

TÌM HIỂU VỀ TIỀN TỆ

CÂU HỎI SỐ 2

Tìm hiểu về tiền tệ và lịch sử tiền tệ của một số nước trên thế giới

PHẦN A: LỊCH SỬ TIỀN TỆ

Tiền tệ chính là phương tiện lưu thông của cải, được xem như là «máy tính» giá-trị các dịch vụ trao đổi giữa con người với nhau. Nó cũng là «chuẩn mực chung» để có thể so sánh giá trị của các hàng hoá và dịch vụ. Thông qua việc chứng thực các giá trị này dưới dạng của một vật cụ thể (thí dụ như tiền kim loại hay tiền giấy) hoặc dưới dạng văn bản (dữ liệu được ghi nhớ của một tài khoản) mà hình thành một phương tiện thanh toán, được một cộng đồng công nhận, tại một vùng phổ biến nhất định.

Trong Việt-Nam Từ-Điển của Lê Văn Đức cùng Nhóm Văn Hữu biên soạn có đưa ra một định-nghĩa về tiền-tệ: «Tiền là tiếng gọi chung các thứ tiền lưu thông trong một quốc gia đã được pháp luật qui định». Tuy nhiên, ta cũng có thể nói cách khác, để được rõ ràng và chặt chẽ hơn là: «Tiền» chỉ là những gì mà pháp luật bắt buộc phải công nhận là một phương tiện thanh toán. Theo đó, trong kinh tế học, có một số khái niệm về tiền như sau:

+ **Tiền mặt**: là tiền dưới dạng tiền giấy và tiền kim loại mà các người thủ đắc, hoặc cất giữ ở tư gia hay mang theo trong người để thanh toán các dịch vụ hàng ngày của họ.

+ **Tiền gửi**: là tiền mà các doanh nghiệp và cá nhân đem gửi vào ngân hàng thương mại, nhằm mục đích phục vụ các thanh toán không dùng đến tiền mặt. Chúng có thể dễ dàng chuyển thành tiền mặt.

+ **Chuẩn tệ**: là những tài sản có thể dễ dàng chuyển thành tiền, chẳng hạn như trái phiếu, kỳ phiếu, hối phiếu, tiền tiết kiệm, ngoại tệ.

Như vậy, tiền đã được hình thành như là phương tiện trao đổi đa năng để đơn giản hoá công việc thương mại. Nếu lúc trước, tiền thường được gắn liền với các phương tiện trao đổi hiện thực có giá trị, thí dụ như đồng tiền bằng vàng, bằng bạc, thì tiền ngày nay, thông thường là từ vật liệu mà chính nó không có giá trị (tiền giấy). Giá trị của tiền hình thành từ trị giá đối ứng mà tiền đại diện cho chúng. Ngày xưa, vàng và bạc là các vật bảo đảm giá trị của tiền. Nhưng ngày nay, việc này không còn thông dụng nữa và tiền là tượng trưng cho giá trị của hàng hoá mà người ta có thể mua sắm được.

Trong mọt mùng lịch sử, các nhà khảo cổ đều đồng ý rằng: những người sơ khai đã biết thực hiện việc đổi chác. Họ trao đổi hàng hoá với nhau, để điều hoà nhu cầu đơn giản của đời sống họ. Vấn đề đổi chác là phương cách duy nhất của thương mại vào thời kỳ ấy. Chẳng hạn, một ngư dân đem con cá mới bắt được ở ven sông đổi lấy con chim do bác thợ săn vừa bắn được trong rừng núi. Hoặc người chăn nuôi đem một con lợn đổi cho kẻ làm ruộng rẫy để lấy mấy thúng khoai hay vài giạ lúa. Nhưng với cách thức trao đổi này thì quả thực là bất tiện. Những con vật khi di chuyển thì khó khăn, chúng lại dễ mắc bệnh hoạn. Do đó, người ta đã bắt đầu dùng những vật thể có tính cách «đại-diện» như vỏ sò, lông chim, mẫu xương đặc biệt, đá quý, muối... và về sau, lại còn dùng những thỏi sắt hay dụng cụ bằng kim loại để làm đơn vị tính toán hàng hoá. Đó là tiền thân của tiền tệ sau này. Thời ấy, dù những vật liệu đó tự nó có một giá trị nhất định, nhưng hành động thừa nhận chúng là đại biểu của giá trị hàng hoá đã là một bước tiến vượt bậc trong quan hệ giữa người với người, nói lên khả năng trừu tượng của con người.

1. TIỀN VỎ ỐC

Qua những di chỉ khảo cổ, nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới đã thống nhất ý kiến cho rằng loại tiền được sử dụng sớm nhất của loài người, chính là *Tiền Vỏ Ốc* và xã hội dùng tiền sớm nhất chính là xã hội nô lệ. Nhưng tại sao lại dùng Vỏ Ốc làm tiền? Ngày nay, chúng ta thấy khó có thể tin được, vì nghĩ rằng vỏ ốc rất nhiều. Nếu dùng vỏ ốc làm tiền thì bất cứ ai cũng có thể kiếm được, như vậy tiền ấy còn có giá trị gì nữa! Nhưng trên thực tế, ở vào thời kỳ thái cổ ấy, con người đang ở trong tình trạng hoang sơ, lẻ loi, cách biệt. Họ sống tập hợp thành những bộ tộc xa hẳn nhau. Không có phương tiện gì để giao thông liên lạc. Hàng hoá vận chuyển rất khó khăn.

Đối với những bộ tộc sống xa bờ biển, thì việc kiếm được vỏ ốc không phải dễ dàng gì. Trong khi đó, họ lại rất trân quý vỏ ốc, vì là thứ trang sức đầu tiên của con người. Có thể nói đây là một loại xa xỉ phẩm. Do đó, người ta đồng thuận dùng các đồ trang sức bằng vỏ ốc đổi lấy các loại hàng hoá khác.

Một đặc điểm thuận lợi của vỏ ốc là được xâu thành những vòng chuỗi trang sức để đeo vào cổ hay ở chân tay. Khi trao đổi, tùy theo giá trị cao thấp của món hàng mà người ta có thể thêm hay bớt vỏ ốc để thành những vòng chuỗi lớn hơn hoặc nhỏ lại. Ốc dùng để làm tiền này có tới hơn 150 loại, sống ở miền nước nông Ấn độ dương và Thái bình dương. Dân mỗi vùng thường quen dùng một loại riêng: Thổ dân ở Alaska và California bên châu Mỹ dùng loại *Dentilium Pretiosum*. Các bộ lạc ở Úc châu dùng nhiều loại khác nhau. Còn ở Á châu thường dùng loại ốc *Cypraea annulus*, nhưng đặc biệt thông dụng nhất là loại Ốc *Cauri* mà danh từ khoa học gọi là *Cypraea moneta*.

Loại ốc này được tìm thấy ở các hải đảo Maldives và Soulou .

Danh từ *Cauri* do tiếng Phạn (Sanskrit) là *Kauri*. Tiếng Pháp gọi là *Cauris*, tiếng Anh là *Cowrie* hay *Cowry*, tiếng Nhật là *Koyasugai* (từ an bồi)(bồi = ốc). Vì nó được dùng làm tiền nên còn gọi là hoá bồi (ốc tiền).

Ốc tiền được người Trung hoa sử dụng để làm tiền (dùng bồi xác tác hoá tệ) kể từ đời nhà Hạ (2205-1766) TCN, mãi cho đến triều đại nhà Tần (221-206) TCN, tức là gần hai ngàn năm sau, ốc tiền này mới bị cấm chỉ, không cho dân chúng dùng để làm tiền tệ nữa.

Tại Việt nam, từ năm 2879 TCN, thuở ấy đất nước ta còn gọi là Văn lang với 18 đời

Hùng vương, rồi qua ba lần bị Bắc thuộc cho tới đời nhà Đinh (968-980), chưa thấy sử sách nào chép về việc người dân Việt bắt đầu sử dụng tiền từ bao giờ và loại tiền gì. Tuy nhiên, trong Đại Việt Sử Ký Toàn Thư của Lê Văn Hưu, tập 1, trang 145, có nhắc đến vỏ ốc: vào năm 179 trước công nguyên, khi Triệu Vũ vương (tức Triệu Đà, cựu tướng nhà Tần) về thần phục nhà Hán, đã đem tiến cống cho vua Hán Văn Đế 1 đôi ngọc bích trắng, 1000 bộ lông chim trĩ, 10 sừng tê và 500 tử bối, tức vỏ ốc màu tía. Ông Đỗ Văn Ninh, tác giả cuốn Tiền cổ Việt nam, sau khi dẫn chứng trong Đại Nam Thực Lục Chính Biên do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn là: «Tháng 9 năm Minh Mệnh thứ 9 (1828), nước Nam Chưởng Trấn Ninh, dân số độ hai vạn người, chợ búa mua bán lấy vỏ ốc thay tiền», thì đã đưa ra ý kiến như sau:

«Nam Chưởng ngày nay là nước Lào, khi đó có nhiều sự giao dịch với Việt Nam. Điều ghi chép trên xảy ra vào đầu thế kỷ XIX, đã rất gần ngày nay. Như vậy, ở thời xa xưa hơn nữa, việc dùng tiền ốc chắc là phải có. Vì ngày nay, ở các dân tộc miền núi tỉnh Nghệ Tĩnh hãy còn bảo lưu một tập tục: Các đám cưới, nhà trai dù nộp bao nhiêu lợn, gạo, rượu mặc lòng, vẫn phải có ít vỏ ốc tiền, mới coi như là đủ. Rõ ràng đó là tàn dư của một thời lấy vỏ ốc làm hoá tệ».

Hiện nay, người Khờ Mú vẫn còn dùng vỏ ốc tiền, với những chức năng mang hình ảnh rõ nét về đồng tiền. Các phụ nữ hầu như mỗi người đều có một chuỗi vỏ ốc mà họ gọi là Kxông. Kxông là đồ trang sức phổ biến. Nhân dân trong vùng xác quyết: Kxông trước đây là tiền. Nhưng khi có đồng bạc hoa xoè rồi, đồng bào Điện Biên tính 20-30 vỏ ốc là một đồng hoa xoè.

Theo phong tục Khờ Mú, người quá cố nhất thiết phải được chôn theo loại tiền cổ nhất để «con ma» có tiền mà tiêu xài ở âm phủ. Nhưng họ không chôn theo tiền đang thông dụng hoặc vàng bạc, mà chỉ chôn theo vỏ ốc tiền.

Người con trai sắc tộc Khờ Mú khi đi dạm vợ phải có mấy cái Kxông. Và người con gái Khờ Mú khi về nhà chồng cũng được cha mẹ cho chuỗi Kxông để đeo trong mình suốt buổi hôn lễ. Kxông được coi như là của hồi môn.

Báo Tuổi Trẻ Online ngày 25/06/2006, trong bài «Phát hiện khảo cổ lạ nhất từ đầu năm 2006» cũng cho biết: «Những vỏ ốc tiền tìm thấy lác đác ở hang Tọ, hang Thạch sơn (Thanh hoá), hang Báy, làng Vố, Hạ bì, hang Bưng (Hoà bình)...». Thực vậy, qua các cuộc khảo cổ, người ta đã chứng-minh sự tồn tại của con người trên lãnh thổ Việt nam từ thời kỳ đồ đá cũ. Đến thời kỳ đồ đá mới, các nền Văn hoá Hoà bình - Bắc sơn (gần 10.000 năm trước công nguyên) đã qui tụ những nhóm dân cư tiền sử, chứng tỏ sự xuất hiện của nông nghiệp và chăn nuôi, có thể là cả nghệ thuật trồng lúa nước nữa.

Nhìn chung, việc sử dụng vỏ ốc làm tiền, vì nó bao hàm một số tính chất làm thoả mãn một số điều kiện như: tính được chấp nhận, tính dễ nhận biết, tính lâu bền, tính chia nhỏ được, dễ vận chuyển, nhất là tính đồng nhất và khan hiếm. Tuy nhiên, khi sử dụng chúng cũng có nhiều sự hạn chế của nó. Đặc biệt là khi xã hội loài người phát triển, người ta lại tìm thấy những vật liệu có tính cách ưu việt hơn vỏ ốc, hơn các vật liệu cổ xưa. Nó lại mang một ý nghĩa lớn, đối với sự phát triển của con người, đó là kim loại, thì ắt hẳn vỏ ốc sẽ bị thay thế là điều tất yếu. Vì chúng chỉ là đồng tiền nguyên thủy ở giai đoạn manh nha của nền kinh tế hoá tệ mà thôi.

2. TIỀN KIM LOẠI

Kim loại, nhất là đồng, đã được sử dụng làm tiền ở hầu hết các quốc gia trên thế giới

trong một giai đoạn lịch sử rất dài. Thực tế, có lẽ đồng đã được sử dụng sớm nhất bởi con người, do các đồ đồng có niên đại khoảng năm 8.700 TCN đã được tìm thấy nhiều nơi. Đồng cũng đã được ghi chép trong các tư liệu của một số nền văn minh cổ đại và nó có lịch sử sử dụng ít nhất là 10.000 năm trước công nguyên. Hoa tai bằng đồng đã được các nhà khảo cổ tìm thấy ở miền Bắc Iraq, có niên đại 8.700 năm trước công nguyên. Trong khi vàng, các dấu hiệu sớm nhất của việc sử dụng, chỉ vào khoảng 4.000 năm TCN mà thôi.

Người ta còn tìm thấy đồ vật bằng đồng và đồng thau ở các thành phố người Sumeriens, ở thung lũng sông Euphrate, có niên đại 3.000 năm TCN và các đồ vật cổ đại của người Ai cập bằng đồng và hợp kim của đồng với thiếc, cũng có niên đại tương tự. Trong một kim tự tháp ở Ai cập, một hệ thống hàn đồng đã được tìm thấy, có niên đại 5.000 năm TCN. Người Ai cập cũng đã phát hiện ra rằng: nếu thêm một lượng nhỏ thiếc vào, sẽ làm cho kim loại trở nên dễ đúc hơn. Vì thế, các hợp kim đồng thau đã được tìm thấy ở Ai cập, gần như là đồng thời cùng với đồng.

Đối với sắt, người Sumeriens và người Ai-cập, vào khoảng năm 4.000 TCN, cũng đã biết lấy từ các thiên thạch, để chế tạo những vũ khí như mũi giáo, mũi tên hoặc các đồ vật trang sức.

Khoảng năm 1.500 TCN, người Hittites, dân tộc Ấn Âu ở miền Trung Tiểu Á, đã xâm lược vùng Lưỡng Hà (Mésopotamie = Iraq ngày nay), khai thác các mỏ bạc, rồi đúc thành những thỏi nhỏ, nặng khoảng 500 gam, làm tiền để trả lương cho lính.

Ở Trung hoa cổ đại, việc sử dụng đồng, theo lịch sử ghi nhận, có nhiều đồ vật mang niên đại 2.000 TCN. Vào khoảng 1.200 năm TCN, Trung Hoa đã sản xuất được những đồ đồng thau hoàn hảo.

Vì nhu cầu trao đổi ngày càng phát triển, mà vỏ ốc tiền lại càng ngày càng khó kiếm, nên về sau, người Trung hoa đã nung ốc bằng gốm (đào bới), gọt ốc bằng xương (cốt bới), mài ốc bằng đá (thạch bới), thậm chí mài ngọc quý (dao bới) để làm tiền, nhằm đáp ứng nhu cầu tiền tệ. Cuối cùng, người ta đã đúc ốc bằng đồng (đồng bới). Việc này, đánh dấu sự ra đời của tiền bằng kim loại, trong lịch sử tiền tệ Trung hoa.

Những đồng tiền kim loại đầu tiên:

a/ Tại châu Á

Theo một số sử gia, tiền kim loại (bằng đồng) bắt đầu xuất hiện tại Trung hoa, từ triều đại nhà Chu (1122-256). Tức đã có mặt khoảng hơn 1.000 năm TCN. Tuy nhiên, ở trong nước, vỏ ốc vẫn được người Trung hoa tiếp tục dùng làm tiền, cho tới đời nhà Tần (221-206) trước công nguyên, mới bị vua Tần Thủy Hoàng cấm chỉ.

Thực vậy, sau khi nhà Tần đã gộp sáu nước, lập thành một Trung quốc thống nhất đầu tiên, vua Tần theo ý niệm Ngũ Hành tương sinh tương khắc, mà tự cho rằng đã đến thời «thủy-trị» nên thắng được nhà Chu thuộc «hoả-trị». Do đó, vua xưng là Thủy Hoàng-Đế, lấy chính sách nghiêm trị, không dung tha, để trị nước. Tần Thủy Hoàng đã bãi bỏ tất cả các loại tiền dùng trước kia, để đúc thứ tiền Bán Lạng (tức một nửa lạng). Đồng tiền hình tròn tượng trưng cho Trời, lỗ vuông ở giữa tượng trưng cho Đất. Hình dáng đồng tiền này đã được Trung quốc sử dụng suốt 2.000 năm cho đến đời nhà Thanh (1644-1911), và cũng đã được các nước láng giềng như Việt-nam, Nhật bản và Triều tiên phỏng theo để đúc tiền.

Ở Việt nam, suốt một ngàn năm Bắc thuộc, tuy ý chí độc lập được nung nấu và nhiều cuộc nổi dậy được thực hiện bởi dân ta: Bà Trưng (40-43), Bà Triệu (248), Lý Bôn (544-548) ngay cả Ngô Quyền (939-965) đã đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch

Đằng, đã chấm dứt được ách thống trị ngoại bang. Nhưng trong 26 năm độc lập tự chủ, vì tình hình đất nước chưa ổn định, nên phải đợi đến đời nhà Đinh (968-980) đồng tiền đầu tiên mới được ra đời.

Sau khi dẹp xong 12 sứ quân, Đinh Tiên Hoàng thành lập nhà Đinh, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư, lập niên hiệu là Thái Bình. Năm 968 vua cho đúc tiền riêng của nước ta. Đó là đồng «Thái Bình Hưng Bảo», mặt sau có chữ «Đinh». Đồng tiền được đúc bằng đồng, hình tròn với lỗ vuông chính giữa. Tiền «Thái Bình Hưng Bảo» có 3 loại khác nhau và được đúc nhiều đợt. Song về cơ bản thì tương tự nhau với kích thước, đường kính trung bình khoảng 22 mm.

Vua Đinh Tiên Hoàng xuất thân là trẻ chăn trâu, có óc tổ chức, đã mở ra kỷ nguyên độc lập tự chủ cho nước nhà.

b/ Tại châu Âu

Ở phương Tây, vào khoảng năm 700 trước công nguyên, vua Assyrie là Sennachérib đã có sang kiến dùng những thỏi chì (saumons de plomb) như là tiền tệ. Nhưng trong thực tế, đồng tiền kim loại đầu tiên đã được xuất hiện là do người Hy Lạp ở phía Tây miền Tiểu Á, tại vương quốc Lydie (tức Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay) vào khoảng năm 620-600 TCN Sardes là thủ đô của vương quốc này tọa lạc tại vùng hợp lưu sông Hermos và Pactole, hai con sông chuyển tải nhiều cục hợp kim thiên nhiên (électrum) vàng lẫn bạc.

Những đồng tiền kim loại đầu tiên này được phát hành có hình cầu, đúc bằng hợp kim thiên nhiên nói trên. Đến khoảng năm 561-546, vua Lydie là Crésus, theo sự tiến bộ về kỹ thuật luyện kim, đã thiết lập hệ thống song bản vị, phát hành «créséides», loại tiền vàng ròng hay bạc ròng. Những đồng kim loại cổ xưa này đã được tìm thấy trong cuộc khai quật nền đền thờ thần Artémis tại Ephèse.

Tuy nhiên, hợp kim thiên nhiên trên chỉ dùng một vài nơi trong vùng Tiểu Á. Ở Sicile và Hy Lạp thì dùng đồng. Những cuộc chinh phục của Alexandre, từ năm 336 đến 323 trước công nguyên, đã làm bành trướng việc sử dụng tiền kim loại ở Ai Cập, Ba Tư, Ấn Độ... Cũng chính trong thời kỳ Hy Lạp hoá này mà tiền đồng đã được lan rộng khắp vùng Địa trung hải, ngay cả tới vùng Marseille (Pháp), lúc bấy giờ đang bị Hy Lạp đô hộ.

Khoảng năm 300 TCN, người La Mã cũng đã dùng đồng để đúc tiền. Xưởng đúc đầu tiên được thiết lập tại Capitole, gần đền thờ nữ thần Junon. Tiền xưa nhất của họ, chính là những thoi đồng (đồng nấu chảy, đúc thành thoi) in hình hoặc vị nữ thần, hoặc con ốc, con chó, con ngựa... hay hình bánh xe. Tiền trong tiếng La tinh là «pecunia» bắt nguồn từ chữ «pecus» có nghĩa là «con bò». Vì đồng tiền kim loại đầu tiên của đế quốc La Mã tượng trưng cho giá trị của một con bò.

Hiện nay, trên toàn thế giới, theo đơn vị tiền tệ kể từ A tới Z, thì đã có đến 172 loại tiền khác nhau đang được lưu hành.

Đồng Euro: Riêng đối với Âu châu, một loại tiền mới «đầu tiên» vừa xuất hiện. Đó là đồng Euro (đúc lần đầu tại xưởng Pessac, Gironde, Pháp), đã được chính thức lưu hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2002. Euro viết tắt là E, ký hiệu quốc tế là EUR, là đơn vị tiền tệ của «Liên minh Tiền tệ châu Âu», là tiền chính thức của 13 quốc gia thành viên trong khối «Liên-minh châu Âu». Đó là Áo, Ái Nhĩ Lan, Bỉ, Bồ Đào Nha, Đức, Hà Lan, Hy Lạp, Pháp, Phần Lan....

Ngoài ra, cũng có một vài quốc gia khác đã tham gia vào Liên minh Tiền tệ với thành viên vùng Euro và vì vậy, cũng đưa đồng Euro vào sử dụng như tiền tệ chính thức.

Riêng 3 nước Anh, Đan mạch và Thụy điển đã quyết định không dùng tiền tệ mới này và vẫn giữ tiền tệ chính thức của quốc gia họ. Đó là đồng Livre Sterling của Anh; đồng Couronne danoise (Krone) của Đan mạch và đồng Couronne suédoise (Krone) của Thụy điển.

Tiền kim loại Euro có mệnh giá từ 1 cent đến 2 Euros. Các đồng tiền kim loại Euro cùng một mệnh giá, đều giống nhau ở mặt trước; nhưng có trang trí khác nhau ở mặt sau, đặc trưng cho từng quốc gia phát hành. Danh từ Euro có thể được phát âm như ơ rô, eo rô, iu râu, oi rô tùy từng nơi ở Âu châu và thế giới.

c/ Tại châu Mỹ

Châu Mỹ, dưới nhãn quan người phương Tây ở vào thế kỷ XV, là một «Tân Thế Giới». Sau 4 cuộc hải trình của Christophe Colomb vào những năm 1492, 1493, 1498 và 1502 thì các cường quốc Tây phương đã đua nhau đóng tàu, lần lượt vượt đại dương đi tìm đất mới, để tạo thành những «tân quốc gia» của họ. Như trường hợp người Tây ban nha đã gọi Trung Mỹ là Nueva Espana (Tân Tây ban nha), Pháp đã xem Bắc Mỹ như là Nouvelle France (Tân Pháp quốc) và Anh tuyên bố lãnh thổ Hoa kỳ và phía Đông châu Mỹ là New England (Tân Anh quốc)!

Hồi ấy, một số nước giàu mạnh Âu châu đã chiếm cứ nhiều vùng đất đai khá rộng lớn ở Tân Thế Giới làm thuộc địa. Họ đã để lại phong tục, tiếng nói, cũng như ảnh hưởng về nền kinh tế (trong đó, có hệ thống tiền tệ) của họ. Đặc biệt là các nước: Tây ban nha, Bồ đào nha, Anh, Pháp và Hà lan. Vì thế, ở vào thời kỳ đó, người dân thuộc địa phải tiêu dùng tiền của các nước thực dân thống trị cho đến khi nào họ dành lại được nền độc lập tự chủ. Lúc đó, họ mới có hệ thống tiền tệ riêng.

Ở Mỹ châu, nước đã được độc lập đầu tiên, đã thoát khỏi vòng nô lệ do thực dân Tây phương áp đặt, chính là Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ (United States of America = USA). Quốc hiệu United States of America này do Thomas Paine, người Mỹ gốc Anh, đã đề nghị và được đại hội đồng các đại biểu chấp thuận vào ngày tuyên bố nền độc lập. Sau một thời gian dài bị khủng hoảng chính trị, 56 đại biểu của 13 xứ thuộc địa Anh quốc ở vùng Bắc Mỹ, ngày 4 tháng 7 năm 1776, đã họp đại hội đồng, tuyên bố độc lập, hoàn toàn ly khai với mẫu quốc. Sự kiện này đã kéo theo một cuộc chiến tranh đẫm máu trong 9 năm. Người dân bị trị đã anh dũng chống lại quân đội Hoàng gia Anh cho đến ngày nền độc lập thật sự được nhìn nhận bởi Hiệp ước Paris năm 1783. Đồng đô la đầu tiên của Hợp chúng-quốc ra đời và đã được Đại hội đồng Liên bang ngày 6 tháng 7 năm 1785 chuẩn nhận. Trên mặt đồng đôla, hoặc bằng kim loại hoặc bằng giấy đều có mang châm ngôn «In God We Trust» (Chúng ta tin ở Chúa).

d/ Tại châu Phi

Châu Phi lớn, xét theo hình thể địa dư, đứng hàng thứ hai sau châu Á. Diện tích có khoảng 30.244.050 km², tức chiếm 20% tổng diện tích hoàn cầu. Châu Phi là nơi sinh sống đầu tiên trên trái đất, với loài người có nguồn gốc từ châu lục này.

Vào cuối thế kỷ XV, người Âu châu (Bồ đào nha, Anh, Pháp, Bỉ, Ý, Hà lan, Thụy điển, Đan mạch) bắt đầu tới giao thương buôn bán, rồi sau đó, chiếm đất đai thổ dân làm thuộc địa. Năm 1480, Bồ đào nha thiết lập trạm thương mại đầu tiên dọc theo bờ biển Guinée ở Elmina. Các hàng hoá trao đổi chính là nô lệ, vàng, ngà voi và hổ tiêu.

Lần đầu tiên, vào năm 1853, Ngân hàng Sénégal đã được thành lập. Tiền do ngân hàng này phát ra, được lưu thông song hành với các loại tiền của các nước khác đem vào, trong đó, lẽ tất nhiên là có đồng franc của mẫu quốc (Pháp) cũng như các thứ hàng tiền (marchandises-monnaies): những Guinées (vải vuông người Anh dùng để trao đổi),

những cục vàng nhỏ, những khối muối, những vỏ ốc, nhất là ốc cauris.

e/ Tại châu Úc

Các nhà thám hiểm đầu tiên đã đặt chân lên đất Úc là những người Anh. Trước tiên, ông Willem Dampier, vào năm 1688, đã khám phá ra bờ biển phía Tây. Đến năm 1770, quân đội Hoàng gia Anh, do thiếu úy James Cook chỉ huy, đã chiếm hơn một nửa đảo. Theo báo cáo của ông, Úc châu không có người ở (terra nullius), nên có thể làm nơi giam tù khổ sai chung thân. Năm 1788, Anh quốc bắt đầu cho thành lập trại tù ở Port Jackson (Sydney ngày nay) do đại úy Arthur Phillip chịu trách nhiệm.

Vì Úc châu (trừ phía Nam và phía Tây) đã được sử dụng như đất tù, nên ý kiến đúc một đồng tiền riêng, không nằm trong chương trình của chính quyền thuộc địa Anh. Nhưng vì dân số mỗi ngày một thêm đông đảo, cần phải giải quyết sự sống còn. Nên lúc ấy, một số ít tiền Anh đã được đưa vào do các sĩ quan và binh sĩ «New South Wales Corps», cũng như do những tàu trộm chuyên chở lương thực và các tù nhân.

Tuy đã có hệ thống trao đổi rượu mạnh và hàng hoá nhập cảng, nhưng nó vẫn bất lực và còn tạo nên duyên cớ tham nhũng giữa các viên chức cầm quyền và những cựu sĩ quan kiểm soát việc thương mại và canh nông, nhất là ở các nơi đang chế tạo bất hợp pháp rượu mạnh mà các cựu sĩ quan bắt tù nhân làm việc không trả lương.

Để chống lại lỗi thương mại bất chính đó, vào năm 1800, quan toàn quyền Anh là Philip Gidley King đã cho phép dân chúng tiêu dùng các loại tiền những nước khác, thu nhận được từ các tàu đậu ở hải cảng, song song với tiền mẫu quốc.

Sự kiện trên đã tạo nên một thời kỳ hỗn loạn, vì có những đô la Tây ban nha, những johannas của Bồ đào nha, những pagodes của Ấn độ, những florins và ducats của Hà lan v.v... nên năm 1812, toàn quyền mới là ông Macquarie đã phải có một quyết định bất thường: đình chỉ việc lưu hành tiền tệ ngoại quốc. Tuy nhiên, những hỗn loạn đó vẫn còn tiếp tục mãi cho đến 10 năm sau, chính phủ Luân đôn mới nhận định là Úc châu cần tiền.

Trong thời gian từ năm 1824 đến 1825, có hơn 100.000 livres bằng kim loại được gửi tới Úc. Các thứ tiền ngoại quốc bằng kim loại quý lưu hành ở thuộc địa từ năm 1790 đến nay, do lệnh Tối cao Pháp viện Anh quốc, phải được triệt để thu hồi.

Năm 1853, Sydney được Anh cho phép đúc đồng «souverain» và «nửa souverain» bằng vàng, do Leonard Wyon vẽ kiểu, mặt trái có hàng chữ «Sydney Mint Australia». Đến năm 1872, Melbourne cũng được phép đúc đồng «souverain» bằng vàng.

Sau khi đã trở thành «Commonwealth d'Australia», năm 1910, đồng tiền kim loại bằng bạc, có hình vua Edouard VII, lần đầu tiên đã được phát hành. Nhưng thực sự, Úc châu có đồng đô la riêng, chỉ bắt đầu từ năm 1966 đối với Úc và năm 1967, đối với Tân Tây Lan

3. TIỀN GIẤY

a/ Tiền giấy sơ khai

Nhiều người cho rằng tiền giấy đầu tiên xuất hiện ở Trung Quốc. Thực ra Trung Quốc không phải là nơi đầu tiên sử dụng tiền giấy nhưng Trung Quốc là nơi đầu tiên sử dụng phổ biến tiền giấy vì vậy nói đến sự ra đời tiền giấy người ta thường nhắc đến Trung Quốc.

Người ta thấy tiền giấy đã được sử dụng ở nhiều nơi khác từ rất xa xưa. Những hình thức tiền giấy đầu tiên có 2 loại được gọi là draff và bill. Ở Mesopotamia cổ đại

người ta đã sử dụng draft (một loại giấy tờ bảo đảm cho thóc lúa dự trữ trong kho) trong thanh toán như tiền. Ở Hy Lạp, đơn vị tiền giấy cổ xưa được sử dụng là drachma (xuất phát từ drama = 1kg thóc). Ở Nhật Bản thời phong kiến cổ đồng tiền giấy lấy cơ sở là lúa gạo của 1 năm bằng 1 koku. Và Ai Cập cũng đã sử dụng tiền giấy vào thế kỷ 1 trước công nguyên.

Còn tiền giấy Trung Quốc được sử dụng từ thế kỷ thứ VII dưới triều đại nhà Đường. Khi ấy hệ thống tiền tệ chính của Trung Quốc vẫn là tiền xu tròn lỗ vuông và tiền vàng, bạc. Xuất phát từ hoạt động của các hiệu cầm đồ, kim hoàn nhận giữ tiền hộ khác hàng, người ta nghĩ ra cách thanh toán bằng những tờ giấy chứng nhận gửi tiền để dễ vận chuyển và an toàn trong sử dụng. Tiền ngày ấy được gọi là “phi tệ” vì nó nhẹ. Đến thế kỷ thứ X, tiền giấy Trung Quốc đã được sử dụng rất rộng rãi trên địa bàn rộng lớn và đã có một hệ thống thanh toán ngân hàng khá hoàn chỉnh.

Năm 1023, nhà nước đã chiếm lấy quyền phát hành tiền giấy, lập Giao Tử Vụ tại Ích Châu, đến năm 1024 phát hành “Quan Giao Tử” từ 1 đến 10 quan. Năm 1033 Giao Tử cải lại làm hai loại: 5 quan và 10 quan. Năm 1068, Giao Tử lại cải thành hai loại: 1 quan và 500 đồng. Rồi ngày càng phát triển rộng ra. Năm 1069, lập Giao Tử vụ tại Lộ Châu, phát hành Giao Tử tại lộ Hà Đông. Năm 1071, phát hành Giao tử tại Thiểm Tây. Rồi Giao tử cải thành “Tiền dẫn”, thành “Hội tử”, thành “Giao sao”....

Khi ấy người châu Âu hầu như không biết gì về Trung Quốc. Một sự kiện rất nổi tiếng và được coi là đem lại những hiểu biết đầu tiên của châu Âu về Trung Quốc là cuộc phiêu lưu của một người Italia tên là Marco Polo đến Trung Quốc vào thế kỷ thứ XIII. Cuộc phiêu lưu này được chính Marco Polo kể lại bằng một cuốn hồi ký làm xôn xao dư luận châu Âu thời đó vì vô vàn những điều mới lạ. Trong đó, ông có trình bày về cách sản xuất và lưu hành tiền giấy. Khi đó, tiền giấy là một điều hoàn toàn mới lạ ở châu Âu, nhiều người tỏ ra không tin và nghi ngờ giá trị của một loại tiền được làm bằng giấy.

Tuy nhiên tiền giấy này thực chất mới chỉ là các “ngân phiếu”, nó không thay thế hoàn toàn cho tiền kim loại trong đời sống thường nhật. Nó cũng chỉ lưu hành trong một tầng lớp thương nhân và quý tộc giàu có bởi giá trị của nó là rất lớn. Để trở thành một đồng tiền hoàn chỉnh như ngày nay thì còn có một khoảng cách rất dài. Tiếc rằng tiền giấy Trung Quốc đã không có nhiều cơ hội tiếp tục phát triển do những hạn chế về chính trị. Năm 1455, triều đại nhà Minh đã ban hành nhiều biện pháp hạn chế tiền giấy đồng thời đóng cửa nhiều trung tâm tài chính lúc đó. Từ đó tiền giấy Trung Quốc hầu như không được nhắc đến nữa.

b/Tiền giấy nhà HỒ Việt Nam

Thời nhà HỒ ở Việt Nam đã ban hành tiền giấy năm 1396, đó là một thời điểm rất sớm so với lịch sử tiền giấy nhưng chính sách ban hành tiền giấy đó không hề được đánh giá là tiến bộ.

Sử cũ chỉ chép lại rằng: “mùa hạ, tháng 4 năm Bính Tý, niên hiệu Quang Thái năm thứ 9 (1396) (khi đó HỒ Quý Ly chưa cướp ngôi nhà Trần) bắt đầu phát hành tiền giấy

“Thông bảo hội sao”. In xong, hạ lệnh cho người đem tiền đến đổi, cứ 1 quan tiền đồng đổi lấy tiền giấy 1 quan 2 tiền. Thể thức tiền giấy: Giấy 10 đồng vẽ rồng; 30 đồng vẽ sóng; 1 tiền vẽ mây; 2 tiền vẽ rùa; 3 tiền vẽ lân; 5 tiền vẽ phượng; 1 quan vẽ rồng. Ai làm giả phải tội chết, tịch thu điền sản vào nhà nước. Cấm hẳn tiền đồng không được chứa và tiêu riêng; đều thu lại chứa tại Ngao Trì, chứa tại kinh thành và ở trị sở các xứ. Ai phạm thì cũng phải tội như trên”.

Như vậy là đồng tiền giấy này đã được đưa vào trong lưu thông một cách triệt để, nó khác hẳn tiền giấy của Trung Quốc, chỉ lưu thông rất hạn chế. Không hiểu khi đó Hồ Quý Ly lấy ý tưởng độc đáo này ở đâu vì trước đó không có tiền lệ lịch sử ở đâu làm điều tương tự. Chỉ biết rằng chính sách này của Hồ Quý Ly là nhằm mục đích thu thập kim loại làm vũ khí cho chiến tranh. Cách phát hành tiền là đổi hoàn toàn tiền cũ lấy tiền mới nên về lí thuyết nó không ảnh hưởng gì tới giá trị đồng tiền mà thậm chí đó là một tư tưởng tiến bộ giúp tiết kiệm kim loại và sử dụng tiền thuận tiện hơn. Tuy nhiên, cũng chỉ bằng lý luận cũng đã thấy ngay sự không hợp lý của chính sách này, đó là sự vi phạm quy luật phù hợp giữa hình thức và nội dung. Sự ra đời của tiền giấy đâu có dễ dàng, đâu phải cứ ban hành một điều luật bắt buộc mà được. Sự ra đời tiền giấy phải có những tiền đề kinh tế của nó, phải trải qua những giai đoạn thai nghén trung gian để có được lòng tin của dân chúng, có cơ chế điều hành của hệ thống tài chính - ngân hàng. Và vì vậy, thực tế chính sách tiền giấy của Hồ Quý Ly đã hoàn toàn thất bại.

Lịch sử đã ghi nhận: vừa mới ban hành tiền giấy, nhà nước đã ban hành một chính sách độc đoán hơn cả tính chất độc đoán sẵn có của tiền giấy: Cấm hẳn tiêu tiền đồng. Thực tế, đến năm Quý Mùi (1403) tức sau bảy năm ban hành, tiền giấy vẫn không được ưa dùng, và do nhà nước cấm tiền đồng, nhân dân buộc phải trao đổi theo hình thức hàng đổi hàng. Nhà nước đã phải định giá tiền giấy cho trao đổi, lập điều luật định tội không tiêu tiền giấy.

Nhà nước ngoài việc dùng pháp luật cưỡng bức còn đưa ra nhiều biện pháp khác cố làm cho đồng tiền đó được lưu hành rộng rãi trong nhân dân. Năm Tân Tỵ (1401), Hồ Hán Thương đặt kho Thường bình, phát tiền giấy cho các lộ, theo thời giá đồng thóc chứa vào kho ấy. Năm Nhâm Ngọ (1402), định lại các thuế về tô ruộng, theo đó: Triều đình trước mỗi mẫu thu 3 thăng thóc nay thu 5 thăng nhưng nộp bằng tiền giấy thì được giảm đi. Thuế đình cũng tương tự, thu bằng thóc thì thu nặng hơn trước nhưng thu bằng tiền giấy thì lại giảm đi. Bằng những biện pháp cưỡng bức kết hợp với khuyến khích như vậy mà tiền giấy vẫn không được lưu thông dù rất ít.

Bình luận về tiền giấy “Thông bảo hội sao”, người xưa đã viết: Tiền giấy chẳng qua chỉ là một mảnh giấy vuông, phí tổn chỉ đáng năm, ba tiền mà đem đổi lấy vật đáng giá năm, sáu trăm đồng của người ta, cố nhiên không phải là cái đạo đúng mức. Và lại, người có tiền giấy cất giữ cũng dễ rách nát, mà kẻ làm giả mạo sinh ra vô cùng, thật không phải là cách bình ổn vật giá mà lưu thông của cải của dân vậy. Quý Ly không xem kỹ đến cái gốc lợi hại, chỉ ham chuộng hư danh sáng chế, để cho tiền của, hàng hoá thường vẫn lưu thông tự nhiên ứ đọng, khiến dân nghe thấy đã sợ, thêm mối xôn xao, thế có phải là chế độ bình trị đâu.[cần chú thích]

Việc ban hành tiền giấy của nhà HỒ xem như thất bại. Cùng với sự sụp đổ của nhà HỒ, tiền giấy cũng chấm dứt lưu hành. Năm 1429, ngay năm thứ hai sau khi lên ngôi, Lê Thái Tổ đã cho đúc tiền đồng trở lại, nhân dân lại quay trở lại dùng tiền đồng.

Tiền giấy “Thông bảo hội sao” nhà HỒ ban hành như một bông hoa trái mùa nên nhanh chóng lụi tàn. Tuy nhiên chính sách tiền tệ của nhà HỒ là một bài học lịch sử đắt giá của đất nước. Nhất là những chính sách ban hành đồng tiền mới ngày nay có nhiều điều phải học hỏi không thừa.

c/Tiền giấy hiện đại ra đời ở Châu Âu

Những giấy bạc đầu tiên của châu Âu được ra đời vào năm 1483, nó được phát hành trong bối cảnh người Tây Ban Nha bị bao vây bởi những người Moors. Ngoài ra cũng có giả thuyết cho là việc xuất hiện những tờ tiền làm bằng giấy bồi gồm nhiều dạng trị giá khác nhau được sản xuất vào năm 1574 bởi những công dân bị vây hãm thuộc thành Leyden. Cả thành phố Leyden và Middelburg lúc bấy giờ đang bị người Tây Ban Nha bao vây nên thiếu bạc để đúc những đồng tiền kim loại nên họ buộc phải dùng bìa các quyển sổ của đạo công giáo để làm vật liệu cho loại tiền giấy bồi. Tuy loại tiền giấy bồi được mô tả là loại tiền giấy lâu đời nhất của châu Âu còn giữ được, nhưng mặt khác, chúng không phải là những tờ giấy bạc thật.

300 năm sau khi Marco Polo tường trình về tiền giấy của người Trung Hoa, Ngân hàng Stockholm Banco ở Thụy Điển mới phát hành những tờ giấy bạc đầu tiên. Nguyên do của việc phát hành những tờ giấy bạc này là do sự phá giá của loại tiền kim loại bằng đồng đó xuất hiện vào năm 1644. Nhằm tìm ra giải pháp hợp lý cho cán cân chi phí của giai đoạn chuyển thể kinh tế, Johann Palmstruth đã đề nghị phát hành cái gọi là "Kreditivsedla" và năm 1661 những tờ giấy bạc đầu tiên được xuất hiện từ xưởng Riskdaler và Daler. Người ta cho rằng những tờ tiền này bao gồm những loại có chỉ số giá trị được viết bằng tay. Đợt phát hành lần thứ hai vào năm 1662 - 1664 các chỉ số được in một cách cẩn thận hơn, và lần thứ ba được phát hành vào năm 1666 - có xem xét gia tăng một cách đáng kể theo đơn đặt hàng. Phòng chùng có đến 60 tờ giấy bạc có các đơn vị 10, 25, 50 và 100 Daler bạc được lưu giữ lại.

Cùng vào thời gian đó tại Anh, người ta cũng được biết đến những tờ giấy bạc Goldsmith. Ngay từ thời xa xưa đó đã có hình thức kí gửi tiền. Đối với những khoản tiền gửi có lãi - thời hạn rút tiền được ấn định (có kỳ hạn). Cùng những loại kí gửi không có lãi thì được hoàn trả lại theo yêu cầu (không kỳ hạn). Những nhà ngân hàng phát hành ra những chi phiếu cho số tiền gửi không cần để tên... nhằm tạo điều kiện dễ dàng cho việc chi trả số tiền kí gửi. Những chi phiếu này đã được phát hành bằng chỉ số giá trị nhỏ và tròn số, những tờ "giấy bạc" này được xem như là những tờ giấy bạc tiên phong của ngành ngân hàng.

Vào năm 1694, Ngân hàng Anh quốc được thành lập và những tờ giấy bạc đầu tiên được phát hành. Cùng lúc các đạo luật của Quốc hội được ban hành để củng cố vị trí đặc biệt của ngân hàng và các thương nhân cũng bắt đầu nhận thức được sự tài trợ của ngân hàng trong giai đoạn kinh tế khủng hoảng. Chính vì thế mà Ngân hàng Anh

quốc đã thành công trong việc xác lập các nền tảng vững chắc cho mình lúc bấy giờ.

Sau Anh Quốc một năm là Xcốtlen đã thiết lập Ngân hàng Trung ương. Ngân hàng kế đến là Na Uy và vùng Danish, việc phát hành các tờ giấy bạc phi lãi suất đã bắt đầu xuất hiện do sáng kiến của thương nhân Thor Mohlen. Kể cả Đan Mạch vua Federic IV đã có tờ giấy bạc được sản xuất vào 18 năm sau: vào năm 1713 trong cuộc chiến tranh Bắc Âu.

Ở Pháp lúc đó, tình trạng tài chính đang kiệt quệ, chính lí do này đã thúc đẩy vua Louis XIX áp dụng chính sách cải cách tiền kim khí đang được lưu hành. Vào năm 1703, ông ta đã chỉ thị thu hồi các đồng tiền kim khí, đóng dấu dè và tái phát hành với chỉ số giá trị cao hơn. Các biên nhận thu hồi tiền kim khí còn được gọi là coin scrip, như đã thông báo tính hợp pháp của nó. Song biện pháp này không cứu vãn được tình trạng tài chính của nước Pháp. Nợ nần chồng chất của chính phủ kéo dài dai dẳng kể cả sau khi nhà vua mất. Chính vì thế, người ta không thấy làm ngạc nhiên trước tư tưởng của JOHN LAW một người Tô Cách Lan về việc phục hồi ngân sách của chính phủ, đã được hỗ trợ công nhận. LAW ước mong phát hành gia tăng giấy bạc và để xướng chính sách tín dụng. Vào năm 1716, ông ta được chính phủ cho phép thiết lập Ngân hàng Trung ương nhằm phát hành các đồng tiền "ECUS" dưới dạng giấy bạc.

Đến năm 1718, chính phủ tiếp quản ngân hàng. Các tờ giấy bạc được phát hành sau này nhằm trả cho các công ty "Livres Tournois" và các cổ phần hai công ty thuộc địa là "Compagnie des Indes" và "Compagnie d'Occident". Sau đó, Law đã tiến hành thực hiện một dự án tài chính và chứng khoán nguy hiểm mà hậu quả dẫn đến là một tai hoạ nghiêm trọng vào năm 1720. Ngân hàng bị đóng cửa, Law đã phải rời nước Pháp và bỏ lại các tài sản của ông ta.

Đó cũng không phải là kinh nghiệm duy nhất của nước Pháp về tiền giấy ở thế kỉ 18. Nền tài chính nước Pháp còn gặp phải nhiều điều bất hạnh, suy thoái kéo dài qua thời kỳ cách mạng tư sản. Việc sụt giảm các khoản lợi tức của chính phủ đã phải đương đầu với những yêu cầu gia tăng về các khoản chi phí phát sinh. Trong khuôn khổ dự án do TALLYRAN đưa ra, nhằm bảo đảm tính an toàn cho tín phiếu - mà bảo chứng của chúng là những tài sản của Giáo hội bị tịch thu. Những tờ giấy bạc của đợt phát hành đầu tiên có lãi trong khi những đợt phát hành sau đó không có. Mặt khác, nhằm làm giảm sức khan hiếm tiền lẻ, nhiều thành phố, thị trấn đã cho phát hành "loại giấy bạc tín nhiệm" (billets de confiance, tín tệ) với hàng nghìn mẫu trong lưu thông. Đối với chính phủ cũng vậy, không còn in tín phiếu với chỉ số giá trị nhỏ. Cùng một lúc phát hành tín phiếu trị giá cao đồng thời liên tục gia tăng lượng phát hành. Dưới thời Cộng hoà Pháp, các tín phiếu Hoàng gia đến lượt chúng bị thay thế. Những tín phiếu này vào năm 1795 được thay thế bằng tín phiếu đồng quan (Franc) khi hệ thống thập phân xuất hiện.

Ngày 1 tháng 1 năm 1796 đã có hơn 7 triệu Livres dưới dạng tín phiếu được đưa vào lưu thông. Trị giá của chúng chỉ đạt 0,5 của giá trị 1 xu.

Để đạt mục đích khôi phục lại lòng tin vào bản vị tiền tệ - Chính phủ Cộng hoà Pháp

quyết định huỷ bỏ tín phiếu, thay vào đó phát hành một dạng tiền giấy mới "Mandats Territoriaux" phó phiếu và chuyển đổi trị giá 30 livres ăn 1 đồng. Và như vậy, "Promesses' des mandats Territoriaux" được khởi đầu phát hành thay cho tín phiếu. Các Mandats thực tế được phát hành sau đó, ở một số lượng nhỏ và kể cả loại tiền giấy mới cũng không thể hãm được sự lạm phát. Dù rằng chỉ trong vài tuần đầu phát hành, giá trị của Mandats đã rớt giá xuống còn 95% trên giá trị mặt. Trước tháng 2 năm 1796, toàn bộ tiền giấy được tuyên báo là không còn giá trị.

Sau sự việc biến mất tín phiếu và Mandats, Ngân hàng Pháp quốc được thành lập năm 1800 - dưới sự ảnh hưởng của Napôlêon, thoát thai từ trong những ngân hàng "Caisses des comptes courants" (Ngân hàng tiền mặt).

Ở các nước châu Âu khác cũng vậy, mọi nỗ lực được thực hiện ở thế kỉ 18 là nhằm loại bỏ những khó khăn về tài chính nhà nước bằng cách phát hành tiền giấy.

Ở Nga, ngân hàng cổ phần được thiết lập vào năm 1768. Lúc này tiền giấy đã được dư luận rộng rãi chấp nhận. Tuy nhiên, khi chính phủ bắt đầu cho lưu hành với một số lượng lớn tiền giấy trong thời kỳ cuộc chiến tranh lần thứ hai chống Thổ Nhĩ Kỳ (1787 - 1792) thì sự tín nhiệm của dân chúng giảm dần và tiền giấy đi đến mất giá trị. Từ lúc ấy trở đi, Nga tiếp tục phát hành không ngừng tiền giấy chính phủ.

Kể đến là cuộc chiến của Áo dưới thời Maria Therisia và Federic đại đế liên tiếp xảy ra đã làm chính phủ Áo nợ nần chồng chất. Chính vào thời kỳ này buộc chính phủ phải lưu tâm việc phát hành tiền giấy. Và vì vậy, ngân hàng Banco del Giro ra đời vào năm 1703, khởi thủy được xem là nhằm phổ biến các quy định về việc lưu hành tiền giấy, song sự tín nhiệm vào ngân hàng này đã không đạt được như mong muốn, vì thế kế hoạch sớm bị huỷ bỏ. Chỉ khi việc quản lí ngân hàng được chuyển đổi - đến Vienna, tên gọi được đổi lại là "Wiener Stadt Banco", lúc bấy giờ ngân hàng mới lấy lại được sự tín nhiệm.

Đến năm 1759, đợt phát hành tiền giấy mang tính chất "tạm thời" bắt đầu xuất hiện và nó phải bị thay thế bởi giấy bạc thật của chính phủ phát hành vào năm 1762. Rập theo khuôn khổ những tờ giấy bạc này là kì phiếu "Bancozettel" được phát hành rộng rãi. Tuy nhiên, khi chính phủ lâm vào tình trạng nợ nần vì các cuộc chiến tranh phát sinh, thêm vào đó là việc phát hành hàng loạt các loại giấy bạc với một lượng lớn nhằm bù đắp cán cân tài chính đã làm cho giấy bạc này mất giá trị. Cuộc chiến với Pháp đã dẫn đến sự suy yếu vì các khoản nợ và chính phủ tự nhận thấy không thể nào kéo lại giá trị của giấy bạc, chỉ còn phương cách duy nhất là cải cách tiền tệ nhằm ngăn chặn tình trạng phá sản của quốc gia. Vì vậy, năm 1811, một loại tiền giấy mới ra đời với chỉ số giá trị thay đổi 1: 5 (một đồng mới ăn năm đồng cũ) và người ta gọi những tờ giấy bạc này là những tờ giấy bạc "dự kiến".

Chẳng bao lâu sau, những tờ giấy bạc này đã bị tụt giá và phải nhường chỗ cho một loại giấy bạc khác vào năm 1813. Đó là loại "giấy bạc dự báo trước tương lai một chính sách thuế khoá" (anticipation notes). Giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh Napôlêon đã làm nảy sinh một hi vọng mới về nền kinh tế hoà bình, phát triển và ổn

định tiền tệ. Vào năm 1816, ngân hàng "Austrian National script Bank" (Ngân hàng Áo quốc) được thiết lập để xác lập lại mặt Ổn định giá trị cho những tờ giấy bạc mà ngân hàng phát hành.

Ở Đức vật liệu để làm tờ giấy bạc đầu tiên được phát hành trước đó là loại tiền giấy bồi (carboard coins) mà các thành phố của Đức lúc bấy giờ như: Leyden và Middelburg đã sản xuất vào năm 1574. Khi những loại giấy bạc này được phát hành với tên gọi là "giấy bạc cấp bách" (emergency notes) thì giấy bạc của ngân hàng Banco được phát hành năm 1705 bởi Elector Johann Wilhem được xem là giấy bạc thật đầu tiên của Đức. Elector đã thiết lập ngân hàng "Banco di Gyro d'affrancatione" mà những tờ giấy bạc thật đó tuy mang tên cá nhân nhưng có thể chuyển đổi được.

Ở Ansbach Bayreuth ngân hàng "Hoch Furslich Brandenburgische" đã phát hành giấy bạc có tên gọi là "Banco billets" (giấy bạc Banco) vào giữa thế kỉ 18. Dù cho chúng được làm cùng kiểu như những loại giấy bạc của ngân hàng "Hochfurslich Brandenburg - Aspach - Bayreuthische Hof - Banco" thành lập năm 1780, thì những tờ giấy bạc này đứng về mặt giá trị hợp pháp có rất ít giá trị. Nỗi sợ hãi của việc phá giá tiền tệ qua sự xuất hiện tiền giấy đã ăn sâu vào tâm khảm người Đức. Mãi cuối thế kỉ 18 cho đến một phần vào giữa thế kỉ 19, việc phát hành giấy bạc đại loại như vậy đã được vạch ra nhưng quyết định thi hành cứ bị trì hoãn.

Vào năm 1765, ở Phổ ngân hàng Konigliche Giro und Lehnbank được thành lập và tiền giấy đầu tiên ra đời. Những tờ giấy bạc này dưới dạng "Pound Banco" không có vai trò quan trọng trong việc lưu hành. Chỉ những giấy bạc được phát hành từ năm 1820 trở đi mới có tầm quan trọng. Ngân hàng được đổi tên là "Preussische Bank" vào năm 1847 là tiền thân của ngân hàng Reichsbank ra đời vào năm 1876. Quan trọng hơn là vào đầu thế kỷ XIX, chính phủ Phổ đã cho phát hành "giấy bạc an toàn" (bank safe notes).

Ở Italia, hệ thống tổ chức ngân hàng đã phát triển sớm hơn các nước khác ở châu Âu. Các biên nhận kí gửi và các tín phiếu do các ngân hàng làm ra được xem là đã xuất hiện ngay thời kỳ trung cổ như ngân hàng "Casa Di Giorgio" ở Genoa, ngân hàng "Bancodisant' Ambrogio" ở Milan và ngân hàng "Banco Dirialto" ở Venice. Qua đó, các dạng tín phiếu có thể chuyển nhượng theo dạng bồi thụ. Những tờ giấy bạc này được xem như là những tờ giấy bạc tiên phong trong các loại giấy bạc đương thời. Những tờ giấy bạc thật, đầu tiên chúng đã được phát hành đầu tiên vào giữa thế kỉ 18 thuộc lãnh địa Sardina. Tiếp sau đó là những tờ giấy bạc của ngân hàng Sacro Monte Delta Pietà Di Roma và những tờ giấy bạc của ngân hàng Banco Di Santo Spirito Di Roma.

Ở Ba Lan, tiền giấy xuất hiện đầu tiên vào khoảng thế kỉ 18. Những kẻ phiến loạn dưới sự lãnh đạo của Kosciuszko đã phát hành giấy bạc vào năm 1794. Với sự đập tan cuộc nổi loạn, việc phát hành tiền giấy đã phải chấm dứt. Chỉ có cộng quốc WARSAW do Napoléon sáng lập, tiền giấy được tái lưu hành. Những tờ giấy bạc này về mặt thiết trí giống với các phiếu tiền tệ Saxon.

Người ta đoán rằng: tiền giấy ở châu Mỹ xuất hiện khá lâu sau châu Âu. Nhưng có

điều chắc chắn giống như ở châu Âu, Bắc Mỹ bắt đầu biết đến loại tiền không có giá trị nội tại (no intrinsic value) từ những năm 1600.

Việc cung cấp tiền kim khí ở Canada dưới thời kì thuộc địa Pháp thiếu hụt dẫn đến tình trạng kéo dài thiếu đồng tiền hợp pháp. Nhằm mục đích bảo đảm tối thiểu việc chi trả cho binh lính, những người Canada đã tự đề ra phương sách và ứng dụng bằng cách dựng một phần tư của các lá bài đóng dấu, và có chữ ký của thống đốc cũng như của viên toàn quyền thế là chúng được sử dụng như là tiền giấy. Vào năm 1685, loại tiền giấy có đặc tính nêu trên được đưa vào lưu thông. Điều đáng chú ý là thay vì phải thu hồi ngay các loại tiền giấy nêu trên mang tính chất lưu hành trong điều kiện cần kíp ngay sau khi việc cung cấp tiền kim khí đó được bổ sung đủ nhưng điều này đã không xảy ra. Những đợt phát hành tiếp theo bao gồm loại 1/2 lá bài hoặc là trọn tấm được tiếp tục lưu hành khắp cả thuộc địa. Loại tiền này còn được duy trì lưu hành mãi cho đến năm 1718 - 1719 và chỉ chấm dứt phát hành sau khi có quyết định thu hồi của viên thống đốc.

Ở Hoa Kỳ, tiền giấy ra đời từ khi các tiểu bang hợp nhất đòi độc lập, đó chính là đồng USD được công nhận cho đến nay.

4.- TIỀN NHỰA

Hiện nay, một số quốc gia trên thế giới đã thực thụ sử dụng hoặc đang bắt đầu thí nghiệm cho lưu thông giới hạn một loại «tiền nhựa». Đó là loại tiền giấy polymère mà Úc là quốc gia đầu tiên đã phát minh và đang sử dụng. Từ năm 1967, Ngân hàng Dự trữ Úc bắt đầu nghiên cứu, ứng dụng chất liệu polymère vào công nghệ in tiền. Năm 1988, Úc in thí nghiệm trên giấy nền polymère. Năm 1992, Úc chính thức phát hành đồng tiền polymère đầu tiên trên thế giới. Tiền giấy polymère có những đặc điểm: Có độ bền dai cơ học cao (tay không, khó xé rách). Không thấm nước, nên tăng thêm độ bền, tăng thêm tuổi thọ của tờ tiền giấy. Giấy polymère được phủ một lớp vec ni, nên không hút ẩm, giữ ẩm hay các chất bẩn khác. Do đó tiền polymère sạch hơn, ít gây ảnh hưởng đến sức khỏe người sử dụng. Theo thống kê, trên thế giới hiện nay đã có 23 quốc gia sử dụng công nghệ in tiền giấy polymère. Trong đó, 3 nước đã sử dụng toàn bộ hệ thống tiền tệ: Úc, Newzeland. Một số nước, chỉ in tiền giấy polymère cho một vài mệnh giá, như ở Việt nam hiện nay chẳng hạn.

PHẦN B: LỊCH SỬ ĐỒNG TIỀN Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

Theo thần thoại La Mã, Nữ thần IU-NÔ là người chuyên báo trước các hiểm họa. Do đó, người La Mã đã đặt xương đúc tiền trong đền thờ của bà và suy tôn bà là vị thần tiền tài của họ.

1/Ý NGHĨA TÊN GỌI MỘT SỐ ĐỒNG TIỀN

☺. Từ **coin** trong tiếng anh là những đồng tiền kilooaij. Nó bắt nguồn từ tiếng La-Tinh : " ku-nê-út " Có nghĩa là cái nôm (Vì khuôn tạo ra các đồng xu rất giống cái nôm .

☺. Từ **Đô- la** bắt đầu từ ở vùng Bô-hê-mia ở các mỏ bạc. Các xương đúc tiền lúc

bấy giờ được đặt ở Iu-him-sta-lơ . Dần dần , mọi người quen gọi nó là **ta-lơ** . Sau một thời gian họ gọi thành **Đô-la** .

☺. Từ "**dime** " trong tiếng Anh biểu thị 10 xu bắt nguồn từ tiếng La tinh " **de-xi-mút** " có nghĩa là thứ 10 . **Đồng xen** của Mỹ được du nhập từ tiếng Pháp có nghĩa 100 xen được 1 \$. Người Pháp du nhập từ này của tiếng La tinh "**xen-tum** " .

☺. **Đồng bảng Anh** bắt nguồn từ tiếng La tinh "Pôn-đo " là đơn vị đo trọng lượng .

☺. **Đồng pê-xo** của Tây Ban Nha và **đồng Lia** cũng là đơn vị đo trọng lượng

☺. **Đồng Phờ-răng** của Pháp bắt nguồn từ " Phờ-răng-kô-run-Rếch " có nghĩa : Vua của người Phờ-răng

☺. **Đồng Sô-lơ** của Peru theo tiếng Tây Ban Nha có nghĩa là mặt trời

☺. **Đồng "ban-boa** " của Panama là tên của một nhà khoa học vĩ đại

☺. **Đồng Boliva** được gọi để tưởng nhớ người anh hùng dân tộc Si-mon Bo-li-via (1783 -1830) . Người có công giải phóng các quốc gia Nam Mỹ chống lại sự áp bức , bóc lột của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha và giúp họ giành lại độc lập của dân tộc họ .

2/GIỚI THIỆU VỀ MỘT VÀI ĐỒNG TIỀN TRÊN THẾ GIỚI

A/ĐỒNG ĐÔ-LA

US Dollar - Đồng đô-la Mỹ, là đồng tiền mạnh nhất và có sức ảnh hưởng lớn nhất đối với nền kinh tế toàn cầu. Cho đến nay, đồng đô-la Mỹ vẫn được Tổ chức các nước xuất khẩu dầu hỏa (OPEC) quy ước là đồng tiền duy nhất dùng để kết toán các giao dịch dầu hỏa. Tỷ giá của đồng tiền này được theo dõi hàng ngày, sự bất ổn của nó có thể khiến nền kinh tế của nhiều quốc gia phải lâm bệnh, dẫn đến việc chính phủ các nước phải theo dõi liên tục để điều chỉnh các chính sách kinh tế vĩ mô sao cho thích hợp nhất nhằm giảm thiểu tối đa thiệt hại. Và cũng không mấy ai có khả năng đứng ngoài cuộc trước những thay đổi của đồng đô-la Mỹ.

Tuy nhiên, rất ít người trong chúng ta biết được lịch sử hàng trăm năm hình thành cũng như quá trình sinh tồn và phát triển của đồng đô-la Mỹ. Và vì sao mà đồng tiền này lại có giá trị và sức ảnh hưởng lớn đến như vậy.

Việc tìm hiểu lịch sử đồng đô-la Mỹ sẽ cung cấp cho chúng ta một cái nhìn đầy đủ hơn về thị trường tiền tệ, nhiều vấn đề tồn tại của nền kinh tế toàn cầu, và những sự kiện lớn của lịch thế giới cận đại. Phơi bày ra nhiều sự thật mà chúng ta khó lòng tưởng tượng ra.

Sự ra đời của đồng tiền đầu tiên trên đất Mỹ

Đa số người Anh đến Mỹ mưu sinh sớm nhất chính là những “người cùng khổ”. Trong cuộc hành trình đến miền đất mới, ngoài những hành lý đơn giản mang theo, hầu như họ chẳng có tiền bạc hay tài sản gì đáng giá. Thời đó, những mỏ vàng bạc ở miền bắc nước Mỹ vẫn chưa được khám phá, nên nguồn tiền tệ lưu thông cực kỳ thiếu hụt. Thêm vào đó là tỷ lệ nhập siêu từ Vương quốc Anh đã khiến cho lượng tiền ít ỏi ở Mỹ cũng chảy ngược về “xứ sở sương mù”. Tình trạng thâm hụt lượng tiền lưu thông vì thế mà càng thêm trầm trọng.

Vì lý do đó hàng hóa do những người Mỹ di cư làm ra đã không thể được trao đổi hiệu quả do thiếu tiền lưu thông, gây sự cản trở nghiêm trọng đến sự phát triển của nền kinh tế. Người ta đã phải dùng đến các loại hàng hóa được chấp nhận ở mức độ cao như một đồng tiền và đều lấy đồng bảng Anh làm tiêu chuẩn tính toán. Ở mức độ nào đó, chúng đã cứu vãn được tình trạng thâm hụt tiền lưu thông đang trở nên cấp bách, nhưng cũng không thể đáp ứng được những đòi hỏi về sau của nền kinh tế hàng hóa ngày một phát triển.

Sự thiếu hụt tiền kim loại trong thời gian dài và sự bất tiện trong việc sử dụng các loại tiền hiện vật thay thế đã thúc đẩy Chính phủ thuộc địa thoát ra khỏi lối tư duy truyền thống để bắt đầu một thử nghiệm hoàn toàn mới: dùng loại giấy Colonial Scrip để in tiền – loại tiền chuẩn được pháp luật quy định. Sự khác biệt lớn nhất giữa loại tiền giấy này so với chi phiếu ngân hàng châu Âu đang lưu hành lúc bấy giờ là nó không có bất cứ khoản hiện vật (vàng hay bạc) nào bảo đảm mà chỉ là một loại tiền tín dụng Chính phủ. Mọi người trong xã hội đều cần phải đóng thuế cho Chính phủ, nên chỉ cần Chính phủ tiếp nhận loại tiền giấy này như bằng chứng của việc nộp thuế, thì nó đã có được yếu tố cơ bản để lưu thông trên thị trường.

Loại tiền tệ mới này quả nhiên đã thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế, các giao dịch hàng hóa cũng ngày càng trở nên nhộn nhịp.

Năm 1763, Benjamin Franklin vi hành đến Vương quốc Anh. Khi được vị chủ tịch của Ngân hàng Anh hỏi về nguyên nhân phát triển thịnh vượng của thuộc địa ở châu lục mới, Franklin đã trả lời rằng: “Điều này rất đơn giản. Ở thuộc địa, chúng tôi phát hành tiền tệ của riêng mình, gọi là ‘chứng chỉ thuộc địa’. Chúng tôi căn cứ vào nhu cầu của thương nghiệp và công nghiệp để phát hành một lượng tiền tệ cân đối, như vậy, sản phẩm rất dễ dàng chuyển từ tay người sản xuất đến tay người tiêu dùng. Dùng phương thức này, chúng tôi tạo ra loại tiền giấy của riêng mình, đồng thời bảo đảm sức mua của nó, và Chính phủ của chúng tôi không cần phải trả lợi tức cho bất kỳ ai”.

Cuộc chiến giành độc lập của nước Mỹ

Loại tiền tệ này tất nhiên sẽ giúp cho thuộc địa châu Mỹ thoát ly khỏi sự khống chế của Ngân hàng Anh. Nhưng một loại tiền tệ không có thể chấp là kẻ thù tự nhiên của các ngân hàng, bởi vì nếu Chính phủ không cần phải vay các khoản tiền kim loại vốn rất thiếu hụt thời bấy giờ, thì ngân hàng sẽ không có sự thể chấp từ các khoản vay của Chính phủ, và như vậy, quyền lực lớn nhất của ngân hàng là quyền phát hành tiền tệ dựa trên sự thể chấp từ các khoản vay của Chính phủ cũng mất đi trong chốc lát, lợi tức từ các khoản vay của Chính phủ đương nhiên cũng không tồn tại.

Các ngân hàng Anh tỏ ra phẫn nộ và bắt tay nhau hành động. Dưới sự khống chế của các nhà tài phiệt, vào năm 1764, Nghị viện Anh đã thông qua “Đạo luật tiền tệ” (Currency Act), theo đó, Nghị viện nghiêm cấm các bang trong thuộc địa châu Mỹ in ấn và phát hành tiền giấy của riêng mình, đồng thời yêu cầu Chính phủ các nơi này phải sử dụng toàn bộ vàng và bạc để đóng những khoản thuế cho Chính phủ Anh.

Franklin đã nhận xét một cách đau đớn về hậu quả kinh tế nghiêm trọng do đạo luật này mang lại như sau:

“Chỉ trong một năm, tình hình [thuộc địa] đã hoàn toàn đảo ngược, thời kỳ phồn thịnh đã kết thúc, kinh tế suy thoái nghiêm trọng đến mức từ đường phố cho đến bến cảng đều tràn ngập những đám người thất nghiệp.

Nếu như Ngân hàng Anh không tước đoạt quyền phát hành tiền tệ của xứ thuộc địa, thì người dân của xứ này sẽ vui vẻ đóng các khoản thuế trà và các sản phẩm khác. Đạo luật này đã gây nên tình trạng thất nghiệp và sự bất mãn. Xứ thuộc địa không thể phát hành được tiền tệ của mình, từ đó sẽ không thể thoát khỏi sự khống chế của George III và Ngân hàng Thế giới một cách vĩnh viễn. Và nó trở thành nguyên nhân chủ yếu gây ra cuộc chiến tranh độc lập ở Mỹ.”

Những người đặt nền móng xây dựng nên Hợp chủng quốc Hoa Kỳ đã sớm nhận thức được sự khống chế của Ngân hàng Anh đối với nền chính trị của Anh cũng như sự bất công đối với người dân. Người hoàn thành bản “Tuyên ngôn Độc lập” nổi tiếng của Mỹ khi chỉ mới 33 tuổi chính là Thomas Jefferson – Tổng thống thứ ba của nước Mỹ - với một câu cảnh báo người dân Mỹ rằng:

“Nếu cuối cùng người dân Mỹ để cho ngân hàng tư nhân khống chế được quyền phát hành tiền tệ của quốc gia thì những ngân hàng này trước hết sẽ thông qua việc tăng lạm phát tiền tệ, sau đó thông qua việc thắt chặt tiền tệ để tước đoạt tài sản của người dân, cho đến một ngày, khi con cái của họ thức tỉnh, thì họ đã mất

đi nhà cửa vườn tược của mình và miền đất mà cha ông họ đã từng khẩn hoang khai phá.”

Sau hơn 200, kể từ khi câu nói của Jefferson được phát ngôn từ năm 1791, người ta vẫn không khỏi kinh ngạc trước sự chính xác kinh người trong lời nói đó. Ngày nay, các ngân hàng tư nhân quả nhiên đã phát hành đến 97% lượng tiền của nước Mỹ, người dân Mỹ cũng mắc nợ ngân hàng với khoản tiền lên đến 44.000 tỷ đô-la Mỹ. Và có lẽ, một ngày nào đó khi tỉnh dậy, họ sẽ thấy rằng mình đã mất đi nhà cửa và tài sản, giống như những gì đã xảy ra vào năm 1929.

Sớm nhận biết được điều đó, những người dẫn đường vĩ đại của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ đã viết ra một cách rõ ràng trong mục 8 chương 1 Hiến pháp của nước Mỹ rằng: “Quốc hội có quyền in và quy định giá trị của đồng tiền quốc gia.”

Và kể từ đây cuộc chiến không khoan nhượng dành quyền phát hành tiền tệ được bắt đầu giữa Chính phủ Mỹ và các thế lực tài chính quốc tế.

Ngân hàng đầu tiên của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ

Năm 1789, Tổng thống Washington bổ nhiệm Hamilton làm Bộ trưởng đầu tiên của Bộ tài chính Mỹ, chịu trách nhiệm về hệ thống ngân hàng trung ương. Năm 1790, trước những khó khăn kinh tế và các khủng hoảng nợ nần sau cuộc chiến tranh giành độc lập, Hamilton kiên quyết đề nghị Quốc hội thành lập một ngân hàng trung ương tư nhân kiểu như ngân hàng Anh (tư nhân nắm giữ 80% cổ phần, 20% còn lại thuộc về Chính phủ Mỹ; cổ đông bầu ra 20 người trong số 25 người của hội đồng quản trị, 5 người còn lại do Chính phủ bổ nhiệm) để phụ trách hoàn toàn việc phát hành tiền tệ.

Tháng 12 năm 1791, khi được đưa ra Quốc hội thảo luận, phương án của Hamilton đã dẫn đến sự tranh luận rất gay gắt. Cuối cùng, phương án này được cả Thượng và Hạ viện thông qua. Trong khi phải đối mặt với các khoản nợ lớn và khó khăn kinh tế, Tổng thống Washington đã bị đẩy vào thế phân vân cực độ. Vì hiển nhiên, Hiến pháp trao quyền cho Quốc hội phát hành tiền tệ, nhưng Quốc hội không được trao lại quyền hạn này cho bất kỳ ngân hàng tư nhân nào.

Với cương vị Bộ trưởng tài chính, Hamilton đã thuyết phục Washington rằng, nếu không thành lập ngân hàng trung ương để nhận sự đầu tư của nước ngoài đổ vào thì Chính phủ sẽ sụp đổ rất nhanh.

Cuối cùng, những nguy cơ trước mắt đã áp đảo những lợi ích lâu dài trong tương lai. Ngày 25/2/1792, Tổng thống Washington đã đặt bút ký, trao quyền thành lập Ngân hàng trung ương thứ nhất của Mỹ, với thời gian hiệu lực trong 20 năm.

Các nhà tài phiệt quốc tế cuối cùng đã giành được thắng lợi quan trọng, và Ngân hàng trung ương tư nhân này đang nóng lòng chờ các khoản vay từ Chính phủ. Chỉ trong vòng 5 năm (1791-1796), khoản vay của Chính phủ Mỹ đã tăng thêm 8,2 triệu đô-la.

Như vậy, đồng tiền đầu tiên trên đất Mỹ do Chính phủ thuộc địa phát hành, gây ra mâu thuẫn giữa thuộc địa và chính quốc là nguyên nhân dẫn đến cuộc chiến giành độc lập của thuộc địa châu Mỹ. Nhưng sau khi giành được độc lập thì Chính phủ Hợp chủng quốc Hoa Kỳ bị buộc phải trao lại quyền phát hành tiền tệ cho Ngân hàng trung ương tư nhân.

Sau khi trúng cử và trở thành Tổng thống thứ ba của Mỹ (1801-1809), Thomas Jefferson đã nỗ lực không ngừng để phê bỏ Ngân hàng trung ương thứ nhất của Mỹ. Đến khi hoạt động của Ngân hàng này sắp mãn hạn vào năm 1811 thì mâu thuẫn giữa thượng viện và hạ viện cũng lên đến đỉnh điểm. Hạ viện đã phủ quyết đề án kéo dài thời hạn hoạt động của Ngân hàng với 65 phiếu thuận/64 phiếu chống, còn thượng viện thì ở thế giằng co 17/17. Nhưng nhờ lá phiếu phủ quyết quan trọng của Phó tổng thống, một quyết định được thông qua ngày 3/3/1811, theo đó, Ngân hàng trung ương thứ nhất của Mỹ phải đóng cửa.

Tình hình lúc này tại châu Âu

Thời điểm này ở châu Âu, gia tộc Rothschild gốc Do Thái (Kinh doanh trong lĩnh vực Ngân hàng) do Nathan Rothschild đứng đầu đang trấn giữ ở Luân Đôn, cùng các anh em khác của ông ở Frankfurt - Đức (Amschel Rothschild – người anh lớn nhất), Napoli - Ý (Calmann Rothschild – người em thứ tư), Paris - Pháp (James Rothschild – người em thứ năm), Vienna - Áo (Salomon Rothschild – người anh lớn thứ hai) tạo thành một tập đoàn ngân hàng quốc tế đầu tiên trên thế giới. Năm anh em đang dõng theo cuộc chiến tranh quan trọng của châu Âu trong năm 1815 liên quan đến số phận và tiền đồ của cả lục địa già, và sẽ được quyết định bằng kết quả chiến sự giữa Hoàng đế Napoleon của nước Pháp và Công tước Wellington của nước Anh.

Bằng việc nhận định tình hình của châu Âu với tầm nhìn xa rộng, gia tộc Rothschild đã chuẩn bị mọi thứ từ việc nắm giữ một lượng lớn tiền hiện kim, công trái cho đến việc hình thành nên một mạng lưới tình báo, thư tín và thông tin cực kỳ hiệu quả. Tất cả những sự chuẩn bị đó giúp họ chủ động thu được kết quả mỹ mãn như ý muốn, bất chấp kết quả cuộc chiến ra sao.

Không nằm ngoài dự tính của gia tộc Rothschild, các tin tức tình báo cho hay nước Anh thắng trận đã được Nathan biết sớm hơn một ngày so với cả Luân Đôn. Đến thời điểm quyết định, Nathan xuất hiện tại Sở chứng khoán Anh. Ông ta ra hiệu cho nhân viên môi giới của mình bán cho bằng hết lượng lớn công trái mà ông ta nắm giữ bằng một ánh mắt sắc lạnh và cơ mặt không chút biến đổi. Khiến cho những người có mặt tại Sở chứng khoán hoan mang cực độ. Sau ít phút bần thần, họ dẫm đạp lên nhau để bán tháo tất cả công trái của mình. Chỉ chờ có vậy, khi công trái Anh gần như vô giá trị thì Nathan lại dùng ánh mắt ra hiệu cho người của mình ập đến bàn giao dịch và thu gom tất cả công trái. Những người có mặt quá ngỡ ngàng đến nỗi không biết phải làm gì.

Nathan đã nắm giữ số lượng áp đảo công trái Chính phủ Anh và đương nhiên quyết định giá trị của công trái, chi phối hoàn toàn lượng tiền tệ của nước Anh. Vì Chính phủ không có quyền phát hành tiền tệ, họ phải vay tiền từ ngân hàng và thế chấp bằng công trái với lãi suất 8%, trong khi ngân hàng được trao quyền phát hành các loại ‘chứng chỉ ngân hàng’ dựa vào lượng công trái họ sở hữu, chúng có hiệu lực giá trị như tiền pháp định ngày nay.

Nathan đã không cần che đậy vẻ kiêu ngạo khi chinh phục được nước Anh:

“Tôi chẳng cần quan tâm con rối nào đang thống trị đế quốc mặt trời không bao giờ lặn này. Ai không chế được việc cung ứng tiền tệ của đế quốc Anh thì người đó không chế được đế quốc Anh, mà người này chẳng ai khác ngoài tôi.”

Các nước tham chiến khác cũng chịu những tổn thất nặng nề, ngập trong nợ nần và các khoản chi phí bồi thường chiến tranh do là nước bại trận. Chính phủ các nước này buộc phải vay tiền ‘kim loại’ từ ngân hàng để tiêu xài và chống chọi lại các khoản nợ, tránh cho Chính phủ sụp đổ.

Như vậy Nathan đã trở thành Chúa tể của Luân Đôn, nơi được mệnh danh là Thành phố Tài chính, và các anh em của ông cũng dần dần chinh phục được các nước Đức, Ý, Pháp và Áo tạo nên một Đế chế Tài chính thực sự tại châu Âu, và có thể nói, họ mới chính là Ông chủ của châu Âu

B/ĐỒNG BẢNG ANH

Bảng Anh (ký hiệu £, mã ISO: GBP) là đơn vị tiền tệ chính thức của Vương quốc Anh và các lãnh thổ hải ngoại, thuộc địa. Một bảng Anh gồm 100 xu (pence hoặc penny).

Ký hiệu của đồng bảng ban đầu có hai gạch trên thân (£), sau này mới chuyển thành một gạch (£), ký hiệu này xuất xứ từ ký tự L trong LSD - tên viết tắt của các đơn vị trong hệ đếm 12 - librae, solidi, denarii, chuyển sang tiếng Anh là Pound, shilling và pence (hoặc penny).

Đồng bảng Anh là đồng tiền lâu đời nhất còn được sử dụng sau khi một số quốc gia thuộc khối EU chuyển sang dùng đồng Euro (€). Nó là đồng tiền được lưu trữ trong các quỹ dự trữ ngoại tệ toàn cầu, mức phổ biến chỉ sau đồng đô la Mỹ và đồng Euro. Đồng bảng đứng thứ tư về khối lượng giao dịch ngoại tệ toàn cầu sau đồng đô la Mỹ, đồng Euro và đồng Yên Nhật.

Trước năm 1971, một bảng là 20 shilling, một shilling là 12 xu (pence). Như vậy một bảng là 240 xu. Ngày nay, đơn vị shilling không tồn tại nữa, một bảng Anh (£1) bằng một trăm xu (100p). Đồng xu kim loại kiểu cũ rút ra khỏi hệ thống thanh toán năm 1980.

1. Phát hành

Bảng Anh được phát hành bằng tiền mặt dưới dạng tiền kim loại và tiền giấy.

1. 1. Tiền kim loại

Tiền kim loại do Xưởng đúc Hoàng gia (Royal Mint) phát hành, bao gồm các mệnh giá: 1 xu, 2 xu, 5 xu, 10 xu, 20 xu, 50 xu, 1 bảng, và 2 bảng. Có cả đồng 5 bảng, nhưng ít được sử dụng.

Trên đồng 1 xu có hình một cổng thành. Trên đồng 2 xu có hình biểu tượng của Huân tước xứ Wales.

Trên đồng 5 xu có hình hoa Thistle, quốc hoa của xứ Scotland.

Trên đồng 10 xu có hình một con sư tử, tượng trưng cho xứ England.

Đồng 20 xu có hình Tudor Rose.

Đồng 50 xu có hình Britannia, nữ thần tượng trưng cho đại đế quốc Anh và hình một con sư tử.

Đồng 1 bảng (hình trên) có biểu tượng của cây thánh giá Celtic xứ Northern Ireland.

Đồng 2 bảng có in câu nói của Isaac Newton "Standing on the Shoulders of Giants" (đứng trên vai những người khổng lồ).

1. 2. Tiền giấy

Tiền giấy do Ngân hàng Anh và các ngân hàng ở Scotland, Bắc Ireland phát hành, bao gồm các loại mệnh giá: 5 bảng, 10 bảng, 20 bảng và 50 bảng. Việc phát hành tiền giấy của các ngân hàng ở Scotland và Bắc Ireland tuân thủ nghiêm ngặt yêu cầu là phải đặt thế chấp tại Ngân hàng Anh cho toàn bộ lượng tiền giấy đưa vào lưu thông.

Loạt tiền giấy hiện đang sử dụng gọi là loạt E phát hành từ tháng 7 năm 2005. Mặt sau có in hình một số nhân vật lịch sử:

- Trên tờ 5 bảng có in hình Elizabeth Fry, một nhà hoạt động xã hội đã có công cải cách chế độ giam tù.
- Trên tờ 10 bảng có in hình Charles Darwin, nhà khoa học tự nhiên, người đề xuất Thuyết Tiến hóa.
- Tờ 20 bảng có hình Edward Elgar, một nhà văn.
- Tờ 50 bảng có hình John Houblon, người sáng lập Ngân hàng Anh và là thống đốc đầu tiên.

Có cả tiền giấy mệnh giá 100 bảng, nhưng không lưu thông trên thị trường. Tiền giấy mệnh giá 1 bảng được dùng ở quần đảo Channels và Scotland.

2. Tỷ giá hối đoái

Tỷ giá giao dịch của đồng bảng Anh với đô la Mỹ (GBP/USD) qua các năm:

- 0.5418 (2006),
- 0.5493 (2005),
- 0.5462 (2004),
- 0.6125 (2003),
- 0.6672 (2002).

Tỷ giá giao dịch với đồng Việt Nam (GBP/VND) cập nhật ngày 11/03/2007 là:

- 31.129 Tỷ giá

3. Lịch sử đồng bảng Anh

A/TRƯỚC ĐỒNG BẢNG

Thời Anglo-Saxon, những đồng xu bạc gọi là đồng sceat được sử dụng trong thương mại và nặng 20 grain (xấp xỉ 1,3 gram).

Vua Offa ở vùng Merica giữa nước Anh ngày nay (khoảng năm 790) phát hành đồng penny bạc nặng 22,5 grain (xấp xỉ 1.5 gram). 240 đồng penny bạc nặng tương đương một đơn vị bạc gọi là Tower pound, tổng cộng 5.400 grain (349,9 gram)

Năm 1526, đơn vị pound bạc được nâng lên 373,242 gram gọi là Troy pound.

Là một đơn vị tiền tệ, đồng bảng Anh xuất xứ từ giá trị của khối lượng bạc trong đồng Tower pound.

B/ĐỒNG BẢNG(POUND STERLING)

Tên gọi đồng bảng (pound) bắt nguồn từ đồng Tower pound có hàm lượng bạc tinh khiết khá cao đạt 92,5% (đồng chiếm phần còn lại 7,5%).

Đồng bảng Anh ngày nay (pound sterling) được xác lập bởi Nữ hoàng Elizabeth I và các cố vấn của bà. Những năm trước đó từ 1543-1551, nước Anh dưới thời vua Tudor trải qua biến động tài chính, đồng xu bạc - tiền của nước Anh giảm hàm lượng bạc rất nhiều. Tới năm 1551, hàm lượng bạc trong đồng penny của nước Anh chỉ còn một phần ba. Dưới thời Nữ hoàng Elizabeth I, những đồng xu bạc cũ được thu về để đúc lại hoặc đổi đồng xu mới theo một tỷ lệ có khấu trừ.

Kể từ đó, đồng pound sterling giữ ổn định giá trị nội tại của nó bất kể các đồng tiền khác của Châu Âu thay đổi ra sao, qua các khủng hoảng tài chính năm 1621, 1694-96, 1774 và 1797 và thậm chí là sau khi nước Anh chuyển sang bản vị vàng. Ngay cả những loạn lạc của Nội chiến nước Anh cũng không làm đồng bảng mất giá. Có ý kiến cho rằng nhờ đồng tiền vững giá trong nhiều thế kỷ, nước Anh xây dựng được nền tảng tài chính ưu việt, hệ thống tín dụng an toàn, uy tín trong suốt thế kỷ 18. Đồng bảng là đồng tiền chính thức của Ngân hàng Anh ngay khi nó thành lập năm 1694.

C/BẢNG VỊ VÀNG

Đồng bảng chuyển sang bản vị vàng một cách không chính thức từ bản vị bạc nhờ sự định giá vàng quá cao ở Anh khiến vàng chảy về nước Anh đổi lại cho dòng xuất khẩu bạc đều đặn. Thực tế này xảy ra dù có việc tái định giá vàng năm 1717 của Ngài Isaac Newton lúc đó là người đứng đầu Xưởng đúc tiền hoàng gia (Royal Mint). Bản vị vàng được lập lại sau khi Chiến tranh Napoleon cho đến sau Thế chiến thứ nhất. Cho đến trước Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, nước Anh là một trong những nền kinh tế mạnh nhất thế giới, chiếm 40% luồng xuất ngoại đầu tư của toàn cầu. Thế nhưng, sau chiến tranh, nó vay nợ 850 triệu bảng chủ yếu là từ Hoa Kỳ, với lãi suất lên tới 40% chi tiêu của chính phủ. Trong một nỗ lực lấy lại sự ổn định tiền tệ, bản vị vàng được khôi phục năm 1925, theo đó bảng Anh quay lại nội dung vàng ở mức trước chiến tranh, dẫn rằng người ta chỉ có thể đổi đồng bảng lấy vàng thôi chứ không phải xu vàng. Bản vị vàng bị từ bỏ ngày 21 tháng 09 năm 1931 trong thời gian Đại khủng hoảng và bảng Anh mất giá 25%.

Ngày nay, việc đảm bảo quy đổi tiền tệ ra kim loại quý không còn nữa. Đô la Mỹ là đồng tiền cuối cùng duy trì bản vị vàng tới năm 1971. Bảng Anh đã từng là đồng tiền của nhiều khu vực của Đế quốc Anh. Khi Đế quốc Anh trở thành Khối thịnh vượng chung, các quốc gia tự phát hành đồng tiền riêng như đồng bảng Australia (1910-1966) và đồng bảng Ireland (1928-1999). Những đồng tiền này nằm trong ảnh hưởng của đồng bảng và tỷ giá gắn với bảng Anh.

D/GẮN CHẶT VỚI ĐÔ LA MỸ

Kể từ khi từ bỏ cam kết quy đổi trực tiếp đồng bảng ra vàng (bản vị vàng), có một số nỗ lực để cố định giá trị của bảng Anh với một số ngoại tệ khác, đặc biệt là với đô la Mỹ.

Dưới những áp lực kinh tế liên tiếp và mặc dù luôn từ chối phá giá đồng bảng, cuối cùng, ngày 19 tháng 9 năm 1949, chính phủ Anh buộc phải phá giá tiền tệ 40% từ tỷ giá với đô la Mỹ là £1 = US\$4 xuống US\$2,80. Động thái này kéo theo sự phá giá so với đô la Mỹ của đồng tiền các quốc gia khác gồm Úc, Đan Mạch, Ireland, Ai Cập, Ấn Độ.....

Đến giữa những năm 1960, đồng bảng lại đứng trước áp lực phá giá so với đồng đô la Mỹ. Mùa hè năm 1966, giá trị bảng Anh tụt xuống trên thị trường tiền tệ. Chính phủ của thủ tướng Wilson buộc phải thắt chặt kiểm soát giao dịch ngoại tệ. Ngày 18 tháng 11 năm 1967, đồng bảng Anh mất giá tới 14,3% xuống mức £1 = US\$2,41. Trong nhiều biện pháp quản lý, có cả những biện pháp cực đoan như cấm khách du lịch mang ra khỏi nước Anh quá £50. Sự cấm đoán được dỡ bỏ năm 1970.

Cùng với sự sụp đổ của Hệ thống tiền tệ Bretton Woods, đồng tiền của nước Anh được thả nổi, để tự thị trường quyết định giá trị. Khu vực ảnh hưởng của đồng bảng Anh chấm dứt sự tồn tại cùng quyết định này, các thành viên của khu vực cũng thả nổi tỷ giá tiền tệ.

Một cuộc khủng hoảng tài chính nữa diễn ra năm 1976 khi có tin tiết lộ rằng Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) cho rằng tỷ giá của đồng bảng nên ở tỷ giá £1 = US\$1,50. Kết quả là tỷ giá thị trường của bảng Anh sa xuống mức £1 = US\$1,57 và chính phủ Anh quyết định phải vay £2,3 tỷ từ IMF để cứu vãn tỷ giá đồng tiền. Đầu thập kỷ 1980, đồng tiền nước Anh tăng dần giá trị lên trên US\$2 nhờ lãi suất tăng lên khi chính sách tiền tệ hướng đến sử dụng công cụ nguồn cung tiền tệ. Tỷ giá cao của đồng bảng bị chỉ trích là một nguyên nhân của sự suy thoái kinh tế của nước Anh năm 1981. Tỷ giá tụt xuống mức thấp nhất là tháng 2 năm 1985 với giá £1 = US\$1,05. Nó nhanh chóng lấy lại sức mạnh vào đầu những năm 1990, trở về ngưỡng US\$2.

E/GẮN CHẶT VỚI ĐỒNG MÁC ĐỨC

Năm 1988, Bộ trưởng Tài chính Nigel Lawson dưới thời thủ tướng Margaret Thatcher quyết định rằng đồng bảng sẽ "theo bóng" đồng Mác Tây Đức. Hậu quả là lạm phát gia tăng nhanh chóng trong khi kinh tế bùng nổ ngắn hạn bởi lãi suất quá thấp. Chính phủ của Đảng bảo thủ Anh từ chối sử dụng các cơ chế bổ sung khác nhằm kiểm soát bùng nổ tín dụng. Cựu thủ tướng Ted Heath mô tả Bộ trưởng Tài chính Nigel Lawson là "tay chơi gôn chỉ có một gậy".

E/GẮN VỚI ĐỒNG TIỀN CHUNG CHÂU ÂU

Một thay đổi chính sách tỷ giá khác là vào ngày 08 tháng 10 năm 1990 khi chính phủ của thủ tướng Thatcher gia nhập Cơ chế tỷ giá Châu Âu (European Exchange Rate Mechanism - ERM) ở tỷ giá £1 = DM2,95. Tuy vậy, sau ngày thứ Tư đen tối (16 tháng 09 năm 1992), nước Anh ra khỏi cơ chế này bởi nền kinh tế Anh làm cơ chế này không thể duy trì được. Tỷ phú George Soros kiếm được khoảng 1 tỷ đô la Mỹ nhờ đầu cơ bán trước mua sau đồng bảng Anh.

Sự kiện "ngày thứ Tư đen tối" chứng kiến tỷ lệ lãi suất nhảy vọt từ 10% lên 12% và cuối cùng là 15% trong một nỗ lực vô ích nhằm cứu vãn tỷ giá đồng bảng không bị rớt khỏi các mức giới hạn của Cơ chế tỷ giá Châu Âu. Tỷ giá ngoại hối sa xuống £1 = DM2,20. Những người ủng hộ giá trị thấp của đồng bảng cho rằng đồng tiền Anh rẻ hơn đã thúc đẩy xuất khẩu và góp phần vào sự thịnh vượng kinh tế của nước Anh thập kỷ 1990.

Ngân hàng trung ương của Malaysia (Bank Negara Malaysia) tiết lộ rằng nó bị lỗ hơn 4 tỷ đô la Mỹ khi đồng bảng Anh bị phá giá.

C/ĐỒNG BAHT THÁI LAN.

Baht (tiếng Thái: บาท , ký hiệu ฿, mã ISO 4217 là THB) là tiền tệ của Thái Lan.

Đồng baht được chia ra 100 *satang* (สตางค์). Ngân hàng Thái Lan là cơ quan chịu trách nhiệm phát hành tiền tệ.

Một baht cũng là một đơn vị đo trọng lượng vàng và thường được sử dụng trong những những người làm đồ trang sức và thợ vàng ở Thái Lan. 1 baht = 15,244 g (15,244 g được sử dụng đối với nén hoặc thoi hoặc vàng "thô"; trong trường hợp đồ kim hoàn, 1 hơn 15,16 g).

Baht Thái Lan	
บาท (tiếng Thái Lan)	
Mã ISO4217	THB
Sử dụng tại	Thái Lan
Lạm phát	5.1%
Nguồn	<i>The World Factbook</i> , 2006.
Đơn vị nhỏ hơn	
1/100	satang
Ký hiệu	฿
Tiền kim loại	
Thường dùng	25, 50 satang, 1, 2, 5, 10 baht
Ít dùng	1, 5, 10 satang
Tiền giấy	
Thường dùng	20, 50, 100, 500, 1000 baht
Ít dùng	10 baht
Ngân hàng trung ương	Ngân hàng Thái Lan
Trang web	http://www.google.com/gwt/n?u=http://www.bot.or.th
Nơi đúc tiền	The Royal Thai Mint

1. Lịch sử

Trước đây, Thái Lan sử dụng đơn vị tiền tệ gọi là *tical* và tên này đã được sử dụng trong văn bản tiếng Anh trên các tờ giấy bạc cho đến năm 1925. Tuy nhiên, đơn vị tiền

tệ baht đã hình thành vào thế kỷ 19. Cả tical và baht ban đầu đều đã là các đơn vị trọng lượng và các đồng xu đã được phát hành bằng cả vàng và bạc gọi tên theo trọng lượng của chúng tính bằng baht và các phân số và bội số của nó.

Cho đến 1897, đồng baht đã được chia ra thành 8 *fuang* (? ? ? ? ?), mỗi fuang chia ra 8 *att* (? ? ?). Các tên gọi được sử dụng như sau:

Tên gọi	Giá trị
solot	½ att
sio	2 att
sik	4 att
salung	2 fuang
tamlung	4 baht
chang	80 baht

Hệ thống thập phân hiện nay, theo đó 1 baht = 100 satang, đã được vua Chulalongkorn áp dụng vào năm 1897. Tuy nhiên, đồng xu đặt tên theo các đơn vị cũ vẫn được phát hành cho đến tận năm 1910. Một tàn tích của hệ thống trước thập phân: 25 satang (¼ baht) vẫn thông tục được gọi là một *salueng* hay *salung* (? ? ? ?). Nó thường được sử dụng cho những số lượng không vượt qua 10 salueng hoặc 2,50 baht. Một đồng 25-satang đôi khi cũng được gọi là *đồng xu salueng* (? ? ? ? ? ? ? ? ? ? , phát âm là 'rian salueng').

Cho đến ngày 27/11 năm 1902, đồng tical đã được cố định trên một cơ sở bạc ròng, với 15 g bạc là 1 baht. Điều này khiến cho giá trị đơn vị tiền tệ của Thái Lan dễ biến động so với các đồng tiền theo chế độ kim bản vị. Năm 1857, giá trị của một số đồng tiền bạc nhất định đã được cố định theo quy định của pháp luật, với 1 baht = 0,6 Straits dollar và 5 baht = 7 rupee Ấn Độ. Trước năm 1880, tỷ giá hối đoái đã được cố định ở mức 8 baht một Bảng Anh, song đã tụt xuống 10 baht một bảng trong thập niên 1880

D/ĐỒNG KIP LÀO

Kip (tiếng Lào: ກີບ) là tiền tệ của Lào kể từ năm 1952. Mã ISO 4217 là LAK và thường được viết là ₭ hay ₭N. Một kip được chia ra 100 *att* (ອັດ).

Kip Lào	
ກີບ Tiêu bản:Lo icon	
Mã ISO 4217	LAK
Sử dụng tại	Lào
Lạm phát	5,9%
Nguồn	<i>The World Factbook</i> , 2006.
Đơn vị nhỏ hơn	
1/100	att
Ký hiệu	₭ or ₭N

Tiền kim loại	
Ít dùng	10, 20, 50 att
Tiền giấy	1, 5, 10, 20, 50, 100, 500, 1000, 2000, 5000, 10 000, 20 000, 50 000 kip
Ngân hàng trung ương	Bank of the Lao P.D.R.
Trang web	http://www.google.com/gwt/n?u=http://www.bol.gov.la

1. Kíp Lào tự do

Giai đoạn 1945-1946, chính quyền tự do đã phát hành ở Viên Chăn một xê ri tiền giấy có mệnh giá 10, 20 và 50 att và 10 kip trước khi các giới chức Pháp kiểm soát khu vực này.

2. Kíp Hoàng gia

Đồng kíp đã được giới thiệu lại vào năm 1952, thay thế ngang giá Đồng Đông Dương. Đồng kíp, cũng gọi là *piastre* trong tiếng Pháp) được chia ra 100 att (tiếng Lào) hoặc cent (tiếng Pháp).

2. 1. Tiền xu kim loại

Tiền xu kim loại được đúc với mệnh giá 10, 20 và 50 att hay cent với chữ Pháp và chữ Lào. Tất cả đều được đúc bằng nhôm và có lỗ ở giữa, giống như đồng xu wen Trung Hoa. Đồng xu chỉ được đúc năm 1952.

2. 2. Giấy bạc

Năm 1953, chi nhánh tại Lào của *Institut d'Emission des Etats du Cambodge, du Laos et du Vietnam* đã phát hành các đồng giấy bạc đặt tên đôi là [piastre Đông Dương thuộc Pháp|piastre] và kip. Đồng thời, hai chi nhánh tương tự đã có dàn xếp tương tự với riel ở Campuchia và đồng ở Nam Việt Nam. Có các giấy bạc 1, 5, 100 và 100 kip/piastres.

Năm 1957, chính quyền đã phát hành các giấy bạc chỉ có tên kip. Các đồng giấy bạc có các mệnh giá là 1, 5, 10, 20, 50, 100 và 500 kip. Năm 1963, giấy bạc 200 và 1000 kip đã được bổ sung, sau đó là giấy bạc 5000 kip năm 1975. Tất cả giấy bạc đều được in ở Pháp.

3. Kíp Pathet Lào

Kíp Pathet Lào đã được giới thiệu vào khoảng trước năm 1976 ở các khu vực dưới quyền kiểm soát của quân Pathet Lào. Các mệnh giá được phát hành là: 10, 20, 50, 100, 200 500 kip. Giấy bạc được in ở Trung Quốc.

Năm 1976, kíp Pathet Lao đã thay kíp Hoàng gia khắp nước Lào sau khi Pathet Lào lên nắm quyền lãnh đạo. Tỷ giá giữa hai đồng kíp là Pathet Lao kip = 20 kíp Hoàng gia.

4. Kíp Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Năm 1979, đã diễn ra một cuộc cải cách tiền tệ, thay đồng 100 kíp Pathet Lào bằng đồng kíp mới.

4. 1. Tiền kim loại

Trước năm 1980, ở Lào có tiền kim loại các mệnh giá 10, 20 và 50 att. Nhưng sau đó, do lạm phát, tiền kim loại không còn được sử dụng trong lưu thông nữa.

4. 2. Tiền giấy

Năm 1979, tiền giấy có các mệnh giá 1, 5, 10, 20, 50 và 100 kíp. 500 kíp đã được bổ sung năm 1988, sau đó là 1000 kíp năm 1992, 2000 và 5000 kíp năm 1997, 10.000 và 20.000 kíp năm 2002 và 50.000 vào ngày 17/1 năm 1006 (dù ghi năm 2004).

F/ĐỒNG PISO PHILIPPINES

Piso (tiếng Philippines) hay peso (tiếng Anh và tiếng Tây Ban Nha) là đơn vị tiền tệ của Philippines. Đơn vị tiền tệ này được chia nhỏ ra 100 *sentimo* (tiếng Anh và tiếng Tây Ban Nha: centavos). Tên theo ISO 4217 là "Philippine peso" và mã là "PHP". Dù tên gọi được in trên giấy bạc và đồng xu kim loại đã đổi từ "peso" sang "piso" năm 1967, tên gọi peso tiếp tục được sử dụng tại địa phương trong nhiều ngữ cảnh khi tiếng Anh được sử dụng.

Đồng tiền peso thường được ký hiệu là ₱. Ký hiệu này đã được bổ sung vào tiêu chuẩn Unicode trong phiên bản 3.2 và quy cho mã là U+20B1 (₱). Do thiếu sự hỗ trợ phông chữ, ký hiệu này thường được thay thế bằng chữ cái đơn giản P, một chữ P với một đường ngang thay vì hai (có sẵn với dấu hiệu peseta, U+20A7 (Pts), trong một vài phông chữ), PHP, hoặc PhP.

Tiền kim loại được đúc tại Security Plant Complex. Tiền giấy và nhiều giấy tờ, tài liệu chính phủ khác đều được in ở Tổ hợp Nhà máy An Ninh hoặc Văn phòng In ấn Quốc Gia.

Peso Philippines	
Piso ng Pilipinas (Filipino)	
Mã ISO 4217	PHP
Sử dụng tại	Philippines
Lạm phát	2,2%
Nguồn	<i>The World Factbook, 2006</i>
Phương pháp tính	CPI
Đơn vị nhỏ hơn	
1/100	sentimo (Tiếng Philippines) centavo (Tiếng Anh)
Ký hiệu	₱

Tiền kim loại	1, 5, 10, 25 sentimo, P1, P5, P10
Tiền giấy	P20, P50, P100, P200, P500, P1000
Ngân hàng trung ương	Banko Sentral ng Pilipinas
Trang web	http://www.google.com/gwt/n?u=http://www.bsp.gov.ph
Nơi in tiền	The Security Printing Plant National Printing Office (Official Government Documents Only)
Trang web	www.ops.gov.ph/npo www.bsp.gov.ph www.ops.gov.ph/npo
Nơi đú tiền	The Security Plant Complex
Trang web	http://www.google.com/gwt/n?u=http://www.bsp.gov.ph

* Lịch sử

Tiền peso Philippine lấy tên gọi từ đồng xu bạc Tây Ban Nha *Real de a Ocho* hay dollar Tây Bna Nha, được lưu hành rộng rãi ở châu Mỹ và châu Á vào thế kỷ 17 và 18, thông qua việc sử dụng nó ở các thuộc địa của Tây Ban Nha và thậm chí ở Mỹ và Canada.

ĐƠN VỊ TIỀN TỆ CÁC NƯỚC

AFA Afghan afghani -pul	INR Indian rupee -paisa
DZD Algerian dinar -centime	IDR Indonesian rupiah -sen
USD American dollar -cent	IEP Irish punt -penny
ARP Argentinian peso -centavo	ILS Israeli shekel -agora
AUD Australian dollar -cent	ITL Italian lira -centesimo
ATS Austrian schilling -groschen	JMD Jamaican dollar -cent
BSD Bahamian dollar -cent	JPY Japanese yen -sen (not used)
BEF Belgian franc -centime	LBP Lebanese pound -piaster
BRR Brazilian real -centavo	LUF Luxembourg franc -centime
GBP British pound -penny	MYR Malaysian ringgit -sen
BGL Bulgarian lev -stotinka	MXP Mexican peso -centavo
CAD Canadian dollar -cent	NZD New Zealand dollar -cent
CLP Chilean peso -centesimo	NOK Norwegian krone -øre
CNY Chinese yuan renminbi -fen	PKR Pakistani rupee -paisa
CYP Cyprus pound -cent	PHP Philippine peso -centavo
CSK Czech koruna -haler	PLZ Polish zloty -grosz
DKK Danish krone -øre	PTE Portugese escudo -centavo
NLG Dutch guilder -cent	ROL Romanian leu -ban
EGP Egyptian pound -piaster	SUR Russian ruble -kopeck
EUR European Euro -cent	SAR Saudi Arabian riyal -halala
FIM Finnish markka -penni	SGD Singapore dollar -cent
FRF French franc -centime	ZAR South African rand -cent
DEM German mark -pfennig	KRW South Korean won -jeon
GRD Greek drachma -lepton	ESP Spanish peseta -centimo
HKD Hong Kong dollar -cent	SEK Swedish krona -øre
HUF Hungarian forint -fillér	

CHF Swiss franc -centime
TWD Taiwan dollar -cent
THB Thai baht -satang
TTD Trinidad & Tobago dollar -cent

TRL Turkish lira -kurus
VEB Venezuelan bolivar -centimo
VND Vietnamese dong -xu

TÀI LIỆU THAM KHẢO

-Từ điển kinh tế thị trường

-Sức mạnh đồng tiền

www.yahoo.com.vn

<http://wapedia.mobi>

www.vinabull.com

-Bách khoa toàn thư việt nam

<http://wikipedia.com.vn>

www.google.com.vn

-Tiền tệ ngân hàng

www.bacbaphi.com.vn

www.tuoitre.com.vn

